Chủ biên: PGS. TS. TRƯƠNG ĐÍCH

KỸ THUẬT TRỒNG

Các giống lạc, đậu đỗ rau quả và cây ăn củ mới

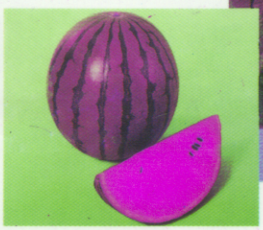
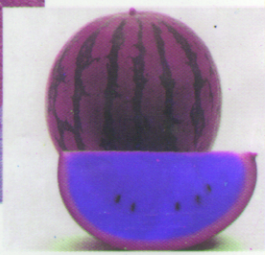

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

LỜI NÓI ĐẦU

Nông nghiệp sinh thái bền vững và đa dạng là chiến lược phát triển của mọi quốc gia. Điều đó càng có ý nghĩa hơn đối với các nước nhiệt đới, nắng nóng mưa nhiều và lắm thiên tai như Việt Nam.

Mặt khác, sau gần 15 năm đổi mới, nước ta đã khởi sắc, kinh tế - xã hội ngày càng nâng cao, nhu cầu cuộc sống của dân cư ngày càng phong phú, đa dạng và chất lượng hơn, bởi vậy ngoài lúa gạo thì rau và các cây thực phẩm khác cũng đòi hỏi phải được cải thiện để có sản phẩm hàng hóa chất lượng cao thoả mãn nhu cầu đòi hỏi của người tiêu dùng trong nước cũng như để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh xuất khẩu.

*Được sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Nông nghiệp của Tổng Công ty phát hành sách Việt Nam, các tác giả giống và cộng sự, chúng tôi biên soạn cuốn "**Kỹ thuật trồng các giống lạc, đậu đỗ, rau quả và cây ăn củ mới**" nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin cập nhật về các loại giống cây trồng trên.*

Nông nghiệp vốn rất rộng lớn đa dạng và phức tạp, cây trồng gồm rất nhiều loại, nhiều giống trong đó còn nhiều cây chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng, rất khó khăn để thu thập lựa chọn và xử lý thông tin nên chắc chắn sách còn nhiều khiếm khuyết. Rất mong bạn đọc lượng thứ và góp ý sửa chữa để nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ của sách. Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2000

T/M tập thể biên soạn

Chủ biên: PGS.TS. TRƯƠNG ĐÍCH

I. CÁC GIỐNG LẠC

1. GIỐNG LẠC SEN LAI (75/23)

1. Nguồn gốc

Tác giả PGS. Lê Song Dự - Đại học nông nghiệp I; KS. Đào Văn Khuynh, ThS. Ngô Đức Dương - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Bắt đầu chọn tạo năm 1975, được công nhận năm 1990.

Giống lạc sen lai được chọn ra từ cặp lai:

Mộc châu trắng × Trạm xuyên

(Theo các tác giả giống Mộc Châu trắng chính là giống Sen Nghệ An được trồng ở Mộc Châu).

2. Những đặc tính chủ yếu

Dạng hình đứng, chiều cao cây trung bình 49-54cm, là giống có thời gian sinh trưởng trung bình, vụ xuân 120-128 ngày, vụ thu 105-115 ngày. Năng suất quả trung bình 16-24 tạ/ha, nếu thâm canh tốt có thể đạt trên 35 tạ/ha. Hạt to đều, khối lượng 100 hạt 53-56 gram, tỷ lệ nhân/quả 72%. Vỏ lụa màu trắng hồng, nhẵn, tỷ lệ dầu và protein khá cao (dầu 54%, protein 23%), phù hợp cho xuất khẩu.

Vỏ quả dầy trung bình, vỏ quả có gân rõ, eo thắt không rõ, chống chịu khá trong điều kiện nóng hoặc úng nhanh cục bộ. Thời kỳ cây con chịu rét khá hơn Sen Nghệ An, mẫn cảm với bệnh đốm lá và rỉ sắt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố thích hợp: Đồng bằng, trung du Bắc bộ, Khu 4 cũ và một phần ở Tây Nguyên. Là giống chịu thâm canh khá nên trồng trên chân đất có thành phần cơ giới nhẹ - trung bình hoặc đất phù sa sông bãi.

Thời vụ gieo trồng: Vụ xuân (đồng bằng, trung du Bắc bộ) 25/1-25/2; Khu 4 cũ 15/1-15/2. Vụ thu (chủ yếu để nhân giống) ở các vùng gieo từ 15/7-10/8.

Mật độ 33 cây/m^2. Khoảng cách 30 × 10 × 1 hạt hoặc 30 × 20 × 2 hạt. Vùng đồng bằng có thể trồng xen với các loại đậu đỗ khác hoặc với các cây màu như ngô, vùng trung du xen với sắn hoặc cây công nghiệp dài ngày mới trồng như dứa, chè.

Phân bón cho 1 ha: 10 tấn phân chuồng hoai mục + 30 N + 60 P_2O_5 + 40kg K_2O + 300-500kg vôi bột. Bón lót toàn bộ phân chuồng, phân lân và 50% vôi bột. Phân đạm và Kali bón thúc khi lạc 3-5 lá, bón 50% lượng vôi còn lại kết hợp với vun gốc.

Lưu ý: Giống lạc sen lai (75/23) mẫn cảm với bệnh đốm lá và rỉ sắt nên cần dự báo và phòng trừ bệnh kịp thời.

2. GIỐNG LẠC TRẠM XUYÊN

1. Nguồn gốc

Giống lạc Trạm Xuyên do Bộ môn lạc - đậu tương, Viện Cây Công nghiệp nhập nội từ Trung Quốc và

3. GIỐNG LẠC V79

1. Nguồn gốc

Tác giả: PGS. Lê Song Dự - Đại học Nông nghiệp I. KS. Trần Nghĩa - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Giống V79 được tạo ra bằng cách dùng tia Rơnghen gây đột biến trên giống lạc Bạch sa. Được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và CNTP công nhận 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Dạng thân đứng, sinh trưởng khỏe, ra hoa tập trung, chiều cao cây trung bình 47-50cm. Có thời gian sinh trưởng dài hơn các giống địa phương.

Vụ xuân 128-135 ngày.

Năng suất trung bình 27,9 tạ/ha thâm canh tốt có thể đạt trên 30 tạ/ha. Hạt to trung bình, đều, khối lượng 100 hạt 48-51 gram. Vỏ quả dễ bóc, tỷ lệ nhân/quả 74%. Tỷ lệ protein 24%, tỷ lệ dầu 48,2-52,2%.

Khả năng chịu hạn tương đối khá. Trong điều kiện thâm canh cao dễ bị lốp đổ. Dễ mẫn cảm với bệnh đốm lá và rỉ sắt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống lạc V79 chịu thâm canh trung bình, thích hợp trên chân đất bạc màu, thịt nhẹ, đất bãi không được bồi hàng năm.

Thời vụ gieo và yêu cầu kỹ thuật trồng như các giống lạc khác. Tuy nhiên, giống V79 chịu thâm canh trung bình nên chỉ bón lượng đạm khoảng 20kg N/ha.

* Lưu ý: Giống có vỏ quả mỏng, nhăn dễ mất sức nảy mầm khi bảo quản nên lúc thu hoạch cần tránh bị ngập nước, hạt dễ bị nảy mầm khi gặp mưa, vỏ lụa bị biến màu.

4. GIỐNG LẠC 4329

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Nguyễn Văn Liễu, ThS. Ngô Đức Dương, TS. Trần Văn Lài, KS. Trần Nghĩa - Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu đỗ - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. KS. Nguyễn Văn Cường - Trung tâm nghiên cứu đậu đỗ Đình Tường.

Giống lạc 4329 do xử lý đột biến phóng xạ tia γ = 5.000r trên giống Hoa 17 năm 1983 đã được công nhận giống mới 1/1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây sinh trưởng khỏe, khả năng phân cành cao, có bộ lá xanh đậm.

Cao cây 46-64cm. Thời gian sinh trưởng 120-135 ngày. Năng suất trung bình 20,1 tạ/ha. Cao nhất 24,0-27,0 tạ/ha. Dạng hạt to đều, màu sắc vỏ lụa trắng hồng, ít nhăn. Khối lượng 100 hạt 55-59gram. Tỷ lệ nhân/quả = 70%. Chống chịu thối nhũn và lở cổ rễ khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tiêu dùng nội địa. Xuất khẩu lạc hạt.

Vùng thích hợp đất phù sa, đất thịt nhẹ, đất đồi thấp. Vụ gieo trồng xuấn 10/1-10/2. Vụ thu 10/7-25/7. Mật độ khoảng cách 33 cây/m^2 (30cm × 10cm × 1 hạt). Có thể trồng xen với ngô, đậu đỗ, cây công nghiệp ở thời kỳ xây dựng cơ bản (chè, dứa, cây ăn quả khác).

Mức phân bón và cách bón giống như với giống Sen lai.

Là giống chịu thâm canh và cho năng suất cao ở vùng đất có đầu tư, đất bãi phù sa sông... do vậy cần bón phân hợp lý và đầy đủ.

Chú ý: Phòng trừ bệnh rỉ sắt, đốm lá.

5. GIỐNG LẠC 1660

1. Nguồn gốc

Giống lạc 1660 được nhập từ Senegal năm 1984.

Tác giả: KS. Trần Nghĩa, KS. Đào Văn Khuynh - Trung tâm nghiên cứu đậu đỗ Viện KHKTNN Việt Nam chọn lọc và phát triển.

Đã được khu vực hóa tháng 1/1995. Được công nhận TBKT tháng 1/1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây gọn, lá dầy. Cao cây 42-54cm. Thời gian sinh trưởng 127-133 ngày. Năng suất trung bình 16,0 tạ/ha, cao nhất 20,0-22,0 tạ/ha. Dạng hạt to trung bình, màu sắc vỏ lụa trắng hồng, ít nhăn. Khối lượng 100 hạt 50-

52gram. Tỷ lệ nhân/quả 72%. Khả năng chống chịu: Chịu nóng khá, ít bị sâu xanh hại.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tiêu dùng nội địa. Xuất khẩu lạc hạt.

Thích hợp với đất đồi thấp miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

Chân đất thích hợp đất thịt nhẹ, ít đầu tư. Vụ gieo trồng xuân 10/1-10/2, vụ thu 10/7-25/7. Mật độ khoảng cách: 33 cây/m^2 (30cm × 10cm × 1 hạt).

Có thể trồng xen với ngô, đậu đỗ hoặc các cây công nghiệp khác ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (chè), cây ăn quả khác.

Lượng phân bón và cách bón như các giống trên.

Là giống có vỏ quả dầy, thời gian sinh trưởng khá dài nên cần gieo vào thời vụ sớm để tránh gặp nắng nóng ở đợt hoa cuối vụ.

Chú ý: Phòng trừ bệnh rỉ sắt và đốm lá.

6. GIỐNG LẠC LVT

1. Nguồn gốc

Tác giả: GS. TS. Trần Hồng Uy, TS. Đào Quang Vinh, TS. Chu Thị Ngọc Viên - Viện nghiên cứu ngô.

Giống lạc LVT được nhập nội từ Trung Quốc vào Việt Nam năm 1992. Được công nhận TBKT tháng 1/1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng khỏe, phân cành trung bình, bộ lá xanh đậm. Cao cây 56-63cm. Thời gian sinh trưởng vụ

xuân 125-132 ngày, vụ hè thu 110-120 ngày. Năng suất trung bình 19 tạ/ha, cao nhất 23-26 tạ/ha. Dạng hạt to trung bình, màu sắc vỏ lụa trắng hồng, ít nhăn. Khối lượng 100 hạt 52-54gram. Tỷ lệ nhân/quả trung bình 72%. Khả năng chống chịu: Chịu rét đầu vụ khá, ít bị thối thân, nhiễm đốm nâu ở giai đoạn cuối vụ.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tiêu dùng nội địa. Xuất khẩu lạc hạt. Vùng thích hợp chủ yếu đồng bằng, trung du Bắc bộ.

Chân đất thích hợp: Đất thịt nhẹ, đất cát pha, đất bãi sông và đất đồi thấp, tránh đất thịt nặng.

Vụ gieo trồng xuân 15/1-25/2, vụ thu 10/7-25/7. Mật độ khoảng cách 33 cây/m^2 -(333.000 cây/ha). (30cm × 10cm × 1 hạt).

Khả năng trồng xen: Vùng trung du xen với sắn và các cây công nghiệp thời kỳ kiến thiết cơ bản. Vùng đồng bằng trồng xen với ngô, đậu đỗ...

Lượng phân bón và cách bón như các giống trên.

Giống lạc LVT có khả năng thích ứng rộng ở các vùng nhưng trên các chân đất ướt, đất thịt nặng không cho năng suất cao, do vậy cần lưu ý đất trồng. Phòng chống bệnh đốm nâu và sâu xanh hại ngọn.

7. GIỐNG LẠC L02

1. Nguồn gốc

Là giống nhập nội từ Trung Quốc, do ThS. Nguyễn Văn Thắng - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt

Nam chọn lọc và đăng ký khảo nghiệm. Đã được phép khu vực hóa năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng vụ xuân 127 ngày, vụ thu 110 ngày. Cây cao 32-40cm. Cây thấp, tán gọn, lá nhỏ màu xanh đậm, chống đổ tốt. Khối lượng 100 quả 150-165gram. Khối lượng 100 hạt 60-65g. Tỷ lệ nhân/quả 68-72%. Hạt có hàm lượng dầu 48,4%, protein 26,9%.

Năng suất 30,27-36,5 tạ/ha.

Chống bệnh héo lá ở mức trung bình, chịu thâm canh. Chống bệnh rỉ sắt, bệnh đốm nâu, đốm đen trung bình khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng cho các tỉnh phía Bắc trong vụ xuân và vụ thu.

8. GIỐNG LẠC JL24

1. Nguồn gốc

Có nguồn gốc từ Đài Loan, nhập nội vào Việt Nam qua Viện nghiên cứu Cây trồng quốc tế Vùng nhiệt đới bán khô hạn.

Tác giả: Nguyễn Thị Chinh - Trung tâm nghiên cứu đậu đỗ - Viện KHKTNN Việt Nam chọn lọc và gửi khảo nghiệm, đã được phép khu vực hóa 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng ngắn 90-104 ngày.

Cây cao 30-45cm. Số cành cấp I mang quả: 4-5. Cành cấp II: 2-4, 10-12 quả/cây. Hạt có màu trắng hồng, khối lượng 100 hạt 45-60gram. Tỷ lệ nhân/quả cao 75-78%. Chống chịu bệnh rỉ sắt, bệnh đốm nâu, bệnh đốm đen trung bình.

Năng suất trong vụ thu 12-15 tạ/ha, vụ xuân 18-25 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng chủ yếu ở những vùng cấy lúa mùa sớm cho thu hoạch sớm.

Yêu cầu kỹ thuật như các giống lạc khác.

9. GIỐNG LẠC MD7

1. Nguồn gốc

Giống lạc MD7 do Bộ môn bệnh cây Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo và đăng ký khảo nghiệm giống quốc gia năm 1999. Cả 2 vụ khảo nghiệm (xuân 1999 và xuân 2000) giống MĐ7 đều chứng tỏ có triển vọng tốt.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng phát triển: 120 ngày/vụ xuân. Sinh trưởng tốt (đạt điểm 1,2/5).

Cây cao 49,2cm, số cành cấp 1: 5,2, dạng cây: đứng, quả ít thắt, vỏ quả sáng vàng, hạt to dài màu hồng nhạt, có khoảng 13 quả chắc/cây, khối lượng 100 quả 139g, khối lượng 100 hạt 51g. Tỷ lệ nhân/quả 70,3%, tỷ lệ quả thối 1,4%. Rỉ sắt: điểm 3/9, đốm nâu: điểm 1/9, đốm đen: điểm 3/9, chịu hạn tốt, chịu đất ướt tốt.

Năng suất 35 tạ/ha, đứng thứ nhất trong 6 giống khảo nghiệm, vượt đối chứng (Sen lai) 1,4 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống MD7 thích hợp cho các tỉnh phía Bắc, yêu cầu thâm canh. Hạt to, đẹp, ít sâu bệnh.

10. GIỐNG LẠC HL25

1. Nguồn gốc

Giống lạc HL25 (tên gốc ICGS-E 56) có nguồn gốc ICRISAT Ấn Độ. Giống được nhập nội từ IRRI vào Việt Nam năm 1987. Giống do Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam - chọn lọc và giới thiệu.

Giống lạc HL 25 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho phép sản xuất rộng từ tháng 9/1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, tương đương giống địa phương Lỳ, Giấy. Dạng thân đứng, chiều cao cây 48-58cm. Khối lượng 100 hạt 40-44g. Tỷ lệ hạt/quả cao: 68-73%. Quả to, gân nổi rõ. Hạt to đều, nhẵn, vỏ lụa màu hồng nhạt, thích hợp với yêu cầu của thị trường.

Hàm lượng dầu 47,99%, chỉ số axít 0,47 mg KOH/g, chỉ số Iốt 94,63gI 2/100g.

Nhiễm trung bình bệnh rỉ sắt và bệnh đốm lá.

Khả năng thích ứng rộng. Năng suất cao, ổn định, đạt 2200kg - 3500kg/ha, cao hơn 15-20% so với giống địa phương.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống lạc HL 25 thích hợp với vụ đông xuân và vụ mùa ở các tỉnh miền Đông Nam bộ, vụ hè thu ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ.

II. CÁC GIỐNG ĐẬU XANH

1. GIỐNG ĐẬU XANH 044

1. Nguồn gốc

TS. Nguyễn Thế Côn - Trường Đại học Nông nghiệp I và các cộng tác viên chọn lọc cá thể từ giống đậu xanh nhập nội, (mã hiệu VC 2768A) của Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC). Được công nhận giống quốc gia năm 1990.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây cao 45-50cm, sinh trưởng khỏe, nhiều quả, chín đều, thu hoạch tập trung 2-3 đợt. Thời gian sinh trưởng vụ xuân 80-86 ngày, vụ hè 75-80 ngày, vụ thu 90 ngày. Hạt dạng bầu dục, màu hạt xanh vàng, bóng (mỡ), khối lượng 1.000 hạt 66-70gram. Năng suất trung bình 11-13 tạ/ha. Giống đậu xanh 044 ít nhiễm bệnh phấn trắng, đốm lá, lá giống chịu nhiệt tốt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Khả năng thích ứng rộng, trồng được ở đồng bằng, trung du, miền núi phía Bắc.

Thời vụ: Vụ xuân 10/2-15/3, vụ hè 20/5-10/6, vụ thu 1/8-20/8.

Mật độ vụ xuân và vụ hè 35 cây/m^2, vụ thu 45 cây/m^2. Phân bón cho 1 ha: 5 tấn phân chuồng + 20 N + 40-60 P_2O_5 + 30-40 K_2O. Lượng vôi bột tùy thuộc độ pH của đất. Trên chân đất vụ trước trồng màu cần chú ý phòng trừ sâu xám và bệnh lở cổ rễ.

2. GIỐNG ĐẬU XANH SỐ 9

1. Nguồn gốc

KS. Nguyễn Thị Quang và cộng tác viên Trung tâm kỹ thuật rau quả Hà Nội chọn lọc cá thể từ giống nhập nội có mã hiệu VC 3738A của AVRDC. Được công nhận giống quốc gia năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống đậu xanh số 9 sinh trưởng khỏe, cây cao 48-55cm, lá to, số cành cấp 1 cao, thời gian sinh trưởng từ 80-90 ngày, chín tập trung (thu lần 1 60-65% sản lượng) hạt xanh mốc, khối lượng 1.000 hạt 55-60gram. Năng suất 11-14 tạ/ha. Khả năng chống bệnh trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trông thích hợp ở cả 3 vùng đồng bằng, trung du và miền núi phía Bắc.

Thời vụ: Vụ xuân 25/2-15/3, vụ hè 25/5-15/6, vụ thu 10-25/8.

Mật độ vụ xuân và hè 35-38 cây/m^2, vụ thu 45 cây/m^2. Mức độ phân bón và chăm sóc như giống đậu xanh 044.

3. GIỐNG ĐẬU XANH VN93-1

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Chu Thị Ngọc Viên và CTV - Viện nghiên cứu ngô chọn lọc từ tổ hợp lai 047 × giống Trung Châu. Được công nhận giống quốc gia năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống VN 93-1 có thời gian sinh trưởng 70-80 ngày, cây cao 45-75cm, số quả chắc trên cây 7-16, hạt xanh mốc, ruột vàng, khối lượng 1.000 hạt 42-60gram. Năng suất trung bình 12-14 tạ/ha. Giống VN 93-1 chống đổ, chống úng, nhiễm bệnh phấn trắng, đốm nâu vào loại trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống VN 93-1 trồng được ở cả 3 vụ của vùng đồng bằng trung du và miền núi phía Bắc.

Thời vụ: Vụ xuân 1-15/3, vụ hè 10/5-10/6, vụ thu 1-20/8.

Mật độ 35-40 cây/m^2, kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc như giống 044.

4. GIỐNG ĐẬU XANH ĐX 92-1

1. Nguồn gốc

Tác giả: KS. Lê Trần Tùng và CTV - Trung tâm đậu đỗ - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt

Nam chọn lọc từ giống VC 4152A của Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC) theo phương pháp quần thể hỗn hợp. Được phép khu vực hóa năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống đậu xanh ĐX 92-1 có thời gian sinh trưởng vụ xuân 80 ngày, vụ hè 65 ngày. Cây cao 50-55cm, số quả trên cây đạt 11-14. Khối lượng 1.000 hạt từ 50-65gram. Năng suất trung bình 12-15 tạ/ha. Giống ĐX 92-1 là đậu xanh hạt mốc, ruột vàng; chống đổ tốt; chống bệnh lở cổ rễ, bệnh phấn trắng và đốm nâu vào loại trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Là giống có tiềm năng năng suất cao, trồng được ở cả 3 vùng đồng bằng, trung du và miền núi phía Bắc trong vụ xuân và vụ hè (trong vụ xuân cho năng suất cao hơn vụ hè, đã có điểm đạt 16 tạ/ha). Các biện pháp kỹ thuật như các giống 044 và giống số 9.

5. GIỐNG ĐẬU XANH T135

1. Nguồn gốc

TS. Trần Đình Long, ThS. Lê Khả Tường cùng cộng tác viên Trung tâm đậu đỗ - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn từ một dòng lai thuộc tổ hợp số 12 giữa giống Vàng Tắt của Hà Bắc và VC 2768B (VHB × VC 2768B). Được phép khu vực hóa năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống T 135 có thời gian sinh trưởng từ 70-75 ngày, cây cao 45-50cm, số quả trên cây đạt 11-14, khối lượng 1.000 hạt 45-65g. Dạng hạt tròn, xanh mốc, ít bị đổ, hàm lượng protein cao tới 28%. Năng suất 13-16 tạ/ha. Giống T 135 chống bệnh phấn trắng, đốm lá và chống đổ trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Cũng như các giống ĐX 92-1, VN 93-1 và giống số 9; là những giống có tiềm năng năng suất cao nên cần phải thâm canh tốt hơn các giống đậu xanh cũ của địa phương.

6. GIỐNG ĐẬU XANH HL 89-E3

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Hoàng Kim, KS. Nguyễn Văn Chương và các cộng tác viên - Trung tâm nghiên cứu nông [illegible] Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Giống đậu xanh HL 89-E3 chọn lọc từ giống nhập nội IPBM-79-82 của IRRI. Được công nhận tháng 3/1992.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao cây trung bình 60-70cm. Thời gian từ gieo đến bắt đầu thu hoạch ở miền Đông Nam bộ, vụ đầu mùa mưa là 59-69 ngày. Năng suất trung bình

10,1-12,8 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 20 tạ/ha. Trung bình mỗi cây 10-18,8 quả. Dạng hạt hình trống màu xanh bóng. Khối lượng 1.000 hạt 50-55gram.

Nhiễm bệnh vàng lá nhẹ, nhiễm bệnh đốm lá mức độ trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phẩm chất hạt tốt hợp thị hiếu tiêu dùng, sản phẩm có thể xuất khẩu.

Giống HL 89-E3 thích hợp trên đất đỏ, đất xám thoát nước ở miền Đông Nam bộ. Vụ đầu mùa mưa gieo từ 1-20/5, vụ đông gieo từ 15/11-10/12.

Mật độ 20-25 vạn cây, khoảng cách (40-50cm) × 20cm × 2 cây. Có thể trồng xen với các cây trồng khác như ngô, sắn...

Phân bón cho 1 ha: Phân chuồng 4-5 tấn/ha (bón lót); phân hóa học 20 N + 50 P_2O_5 + 50 K_2O (bón thúc toàn bộ khi cây có 2 lá thật).

Lưu ý: Phun thuốc định kỳ 2 ngày 1 lần.

7. GIỐNG ĐẬU XANH V87-13

1. Nguồn gốc

Tác giả: KS. Nguyễn Đăng Khoa và CTV - Bộ môn đậu đỗ - Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam.

Giống đậu xanh V87-13 được tuyển chọn từ giống nhập nội VC 3178A của Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC). Được phép khu vực hóa từ tháng 3/1991, hiện là giống có triển vọng.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao cây trung bình 84cm. Thời gian sinh trưởng tại miền Đông Nam bộ, vụ đầu mùa mưa 62 ngày. Năng suất trung bình 12,1 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 20 tạ/ha. Dạng hạt hình trống, màu xanh lục mỡ, khối lượng 1.000 hạt 57-60gram.

Chống bệnh vàng lá do virus và bệnh đốm đỏ tương đối khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Sản phẩm hợp thị hiếu tiêu dùng, có thể xuất khẩu.

Thích hợp trên đất đỏ, đất xám cao thoát nước ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Thời vụ, quy [illegible] kỹ thuật trồng và chăm sóc tương tự

Việt Xô, Trung tâm Hùng Lộc - Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam.

Giống VX-87E2 được chọn lọc từ giống nhập nội có nguồn gốc Ấn Độ trong tập đoàn đậu xanh Viện VIR (Liên Xô). Được phép khu vực hóa ở các tỉnh phía Nam từ năm 1988, là giống có triển vọng.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân lá màu xanh, ít đổ ngã, tán lá gọn. Chiều cao cây trung bình. Ra hoa và quả chín rất tập trung, tỷ lệ

thu hoạch lần đầu vụ hè thu 70-80%, vụ đông xuân 55-75%. Quả mọc chùm dạng khoe quả, vỏ quả màu đen.

Thời gian sinh trưởng ở vùng Đông Nam bộ, cao nguyên Trung bộ và duyên hải miền Trung, vụ hè thu và đông xuân là 60-64 ngày, vụ đông xuân 64-70 ngày.

Năng suất trung bình 11,5-13,5 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 24 tạ/ha. Dạng hạt hình trống, hơi thuôn. Hạt màu xanh bóng, dạng mỡ, khối lượng 1.000 hạt 52-54gram.

Chịu hạn và chịu rét, chịu nóng kém. Rất ít nhiễm bệnh vàng lá (cấp 1/5), nhiễm nhẹ bệnh đốm lá vi khuẩn (cấp 2/5) nhiễm sâu đục quả trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên chân đất đỏ bazan, đất cát pha, đất phù sa ở vùng cao nguyên Trung bộ, miền Đông Nam bộ và duyên hải miền Trung.

Thời vụ gieo: Vụ hè thu 10-25/4, vụ thu đông 25/7-25/8, vụ đông xuân 20/12-10/1. Mật độ 20 vạn cây/ha, khoảng cách 50cm × 10cm × 2 cây. Có thể trồng xen với cây ngô, sắn, mía, bông vải hoặc cây dâu tằm, cây cao su (ở thời kỳ đầu).

Phân bón cho 1 ha: 25 N + 50 P_2O_5 + 50 K_2O. Lân bón lót toàn bộ, bón thúc đạm và kali sau khi mọc 14-18 ngày.

Lưu ý: Nên bố trí trên loại đất tơi xốp, thoát nước, ít nhiễm phèn. Vụ đông xuân ở miền Nam có thể phun nhẹ urê để tăng số hoa và số lần ra hoa.

9. GIỐNG ĐẬU XANH G87-1

1. Nguồn gốc

Tác giả: KS. Nguyễn Đăng Khoa và các cộng tác viên - Bộ môn đậu đỗ - Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam.

Giống G87-1 được tuyển chọn từ một giống nhập nội của Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC). Được phép khu vực hóa từ tháng 3/1991, là giống có triển vọng.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao cây trung bình 67cm. Thời gian sinh trưởng ở miền Đông Nam bộ 89-91 ngày. Năng suất trung bình 13,7 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt 20 tạ/ha. Trung bình mỗi cây có 27 quả. Hạt màu vàng, khối lượng 1.000 hạt 142gram. Phẩm chất tốt, hợp thị hiếu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Kháng được bệnh mụn lá và vi khuẩn, bệnh đốm phấn, bệnh rỉ sắt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất đỏ, đất xám, thoát nước vùng Đông Nam bộ và Tây Nguyên.

Thời vụ, kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc tương tự giống G87-5.

10. GIỐNG ĐẬU XANH HL115

1. Nguồn gốc

Giống đậu xanh HL115 có tên gốc IPB Mg 7 được nhập nội từ Philippin năm 1990. Giống do Trung tâm

nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc chọn lọc và giới thiệu (Nguyễn Văn Chương, Phạm Ngọc Quy, Hoàng Quy, Hoàng Kim, Bùi Việt Nữ và cộng tác viên). Giống đã được Bộ Nông nghiệp và CNTP cho phép khu vực hóa 1994.

2. Những đặc tính chủ yếu

Năng suất đạt tương đối ổn định 10-13 tạ/ha ở vụ hè thu và thu đông: 14-21 tạ/ha ở vụ đông xuân, tương đương với giống HL 89-E3, cao hơn giống Mỡ Long Khánh 0,2-0,4 tạ/ha. Thời gian sinh trưởng 65-68 ngày. Ít nhiễm bệnh virus vàng lá, nhiễm nhẹ đến trung bình bệnh đốm lá. Chiều cao cây 58-75cm, cứng cây, ít đổ ngã. Ra hoa và chín tương đối tập trung, tỷ lệ thu hái lần đầu 75-80%. Khối lượng 1.000 hạt 57-60gram. Hạt màu xanh bóng.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Khả năng thích ứng rộng, tiềm năng năng suất cao trong điều kiện thâm canh.

Trồng xen 6 hàng đậu với 2 hàng ngô lai trên vùng đất đỏ Đông Nam bộ đạt năng suất 0,5-0,9 tạ/ha đậu xanh và 18-29 tạ ngô lai.

11. GIỐNG ĐẬU XANH HL2

1. Nguồn gốc

Tác giả giống HL2: KS. Hà Hữu Tiến - Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc - Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam.

HL 2 được chọn lọc từ tổ hợp lai VX87C2 × Nam Vang từ 1988, được công nhận năm 1992.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao cây 40-45cm, thời gian sinh trưởng vụ đông xuân ở phía Nam: 85-90 ngày.

Năng suất trung bình 16 tạ/ha, thâm canh tốt có thể đạt 20-25 tạ/ha. Tán gọn, lá nhọn thích hợp trồng ở mật độ cao hoặc xen với bông vải, thuốc lá...

Quả đen tập trung ở thân chính, có 40-45 quả/cây, có nhiều quả 3 hạt.

Kháng bệnh đốm lá, thối quả, xoắn lá virus và rỉ sắt. Không ngã đổ, vỏ quả dày khó thấm nước trong vụ hè thu và không tách hạt ở ngoài đồng trong vụ thu đông.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trên đất đỏ bazan, đất nâu đen, cát pha, phù sa ở vùng ĐBSCL, cao nguyên Trung bộ, miền Đông Nam bộ và duyên hải miền Trung.

Yêu cầu đất tơi xốp, thoát nước. Thời vụ gieo: hè thu 3/4; vụ thu đông 20/8; vụ đông xuân gieo vào tháng 11-12. Khoảng cách gieo: 40cm, 20 cm, 3-4 cây/hốc.

Lượng phân bón cho 1 ha: 5 tấn phân chuồng + 30 N + 50 P_2O_5 + 50 K_2O. Bón lót 100% phân chuồng, phân lân.

12. GIỐNG ĐẬU XANH V91-15

1. Nguồn gốc

Giống V91-15 có nguồn gốc VC3528A được nhập nội từ Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC).

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 60-65 ngày. Cây cao 50-60cm, thân cứng, ít đổ ngã, chín tập trung, quả chín có màu đen.

Hạt màu xanh sẫm, hình trụ, khối lượng 1.000 hạt 50-60g.

Ít nhiễm bệnh vàng lá. Nhiễm bệnh đốm lá từ nhẹ đến trung bình.

Năng suất vụ hè thu và thu đông: 800-1000 kg/ha, vụ đông xuân 1300-1900 kg/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trong vụ hè thu và thu đông.

13. GIỐNG ĐẬU XANH V94-208

1. Nguồn gốc

Giống V94-208 có nguồn gốc VC4111A được nhập nội từ Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau đậu châu Á (AVRDC).

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 63-68 ngày. Cây cao 50-70cm, cứng cây, ít đổ ngã, lá to xanh nhạt, quả chín có màu nâu đen. Hạt màu xanh nhạt, hình trụ dài, hạt to, khối lượng 1.000 hạt 60-70g.

Ít nhiễm bệnh vàng lá. Nhiễm bệnh đốm lá từ nhẹ đến trung bình.

Năng suất vụ thu đông 800-1000 kg/ha, vụ đông xuân 1500-2300 kg/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp trong vụ thu đông và đông xuân.

14. GIỐNG ĐẬU ĐEN NGẮN NGÀY VN 89

1. Nguồn gốc

Viện nghiên cứu ngô nhập nội và chọn lọc từ tập đoàn giống đậu đen Trung Quốc 1989

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống đậu đen VN 89 rất ngắn ngày, trong vụ hè có thời gian sinh trưởng từ 52-55 ngày, từ mọc đến ra hoa là 25-28 ngày. Giống VN 89 sinh trưởng khỏe, cây gọn, chịu nóng và hạn khá, ít nhiễm bệnh, chín tập trung (sau 2 lần thu đạt 80% sản lượng). Hạt xanh lòng, thơm, bở. Khối lượng 1.000 hạt 80-85gram, năng suất trung bình đạt 10-13 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng được ở cả vụ xuân và vụ hè (trong vụ hè cho năng suất cao hơn, có thể đạt 15 tạ/ha).

Thời vụ: Vụ xuân 1-15/3, vụ hè 25/5-15/6.

Mật độ từ 25-30 cây/m^2. Phân bón cho 1 ha trong điều kiện bình thường là 5-7 tấn phân chuồng + 20 N + 60 P_2O_5 + 30 K_2O. Chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh như đối với giống đậu đen của địa phương.

III. CÁC GIỐNG ĐẬU TƯƠNG

1. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK03

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Trần Văn Lài - Trung tâm nghiên cứu và phát triển đậu đỗ, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Bắt đầu chọn tạo năm 1985 được công nhận năm 1990. Chọn cá thể từ giống đậu tương nhập nội G-2261, theo các chỉ tiêu sinh lý.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cao cây trung bình 50-55cm, trung ngày (≈85 ngày).

Năng suất trung bình 13-15 tạ/ha. Hạt bầu dục, màu vàng nhạt. Khối lượng 1.000 hạt 125-130g, vỏ hạt không bị nứt, màu đẹp, có thể xuất khẩu.

Khả năng chịu rét yếu, chịu úng và hạn trung bình, chống chịu rỉ sắt trung bình, nhiễm bệnh đốm vi khuẩn ở giai đoạn cuối.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích ứng rộng, có thể trồng trên các chân đất thịt trung bình và cát pha dễ thoát nước ở trung du và đồng bằng Bắc bộ.

Thời vụ: Vụ đông trên đất 2 vụ lúa: 25/8-10/9, vụ xuân muộn trên đất mạ: gieo 25/2-10/3, vụ hè gieo khoảng 5/6-10/7. Cần chú ý phòng trừ bệnh đốm vi khuẩn trong vụ hè.

2. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK 04

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Trần Văn Lài, KS. Nguyễn Ngọc Thành và cộng tác viên, Trung tâm nghiên cứu và phát triển đậu đỗ, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Giống AK 04 được chọn lọc từ DT81 năm 1982, bằng phương pháp chọn lọc hỗn hợp.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng khỏe, cây cao 45-55cm, thời gian sinh trưởng 95-100 ngày.

Hạt to, khối lượng 1.000 hạt 145-155g, vỏ hạt có màu xanh khi trồng vào vụ đông và có màu xanh vàng hoặc vàng khi trồng trong vụ xuân. Tiềm năng năng suất cao, trung bình khoảng 15-17 tạ/ha.

Khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vụ xuân gieo từ 15/2-10/3 trên đất bãi, đất màu.

Vụ thu đông gieo 5/9-5/10 trên đất bãi, đất màu, đất 2 vụ lúa.

Phân bón cho 1 ha: Trên đất xấu, nghèo dinh dưỡng cần bón 10 tấn phân chuồng + 40 kg N + 60kg P_2O_5 + 40kg K_2O; trên đất có độ phì khá chỉ bón: 5 tấn phân chuồng + 30 kg N + 60kg P_2O_5 + 40kg K_2O.

Mật độ gieo: 40-45 cây/m^2. Các biện pháp kỹ thuật chăm sóc khác như giống AK 03.

3. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG M103

1. Nguồn gốc

TS. Trần Đình Long và cộng tác viên trường Đại học Nông nghiệp I và Đại học Nông nghiệp II chọn tạo từ dòng đột biến của giống V70 năm 1978. Từ 1987-1989 giống M103 được TS. Phạm Thị Thanh Nhàn - Bộ môn cây công nghiệp trường Đại học Nông nghiệp I chọn thuần. Được công nhận giống quốc gia năm 1994.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao trung bình 55-70cm, giống M103 sinh trưởng khỏe, lá xanh đậm, quả màu vàng sẫm, tỷ lệ quả 3 hạt cao, hạt vàng đẹp, tỷ lệ hạt nứt vỏ thấp hơn giống ĐT76. Khối lượng 1.000 hạt 160-180gram. Giống M103 có tiềm năng năng suất cao (17-20 tạ/ha). Khả năng chịu nóng khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống M103 thích ứng trong vụ hè ở đồng bằng và trung du Bắc bộ. Có thể gieo trong vụ xuân muộn và vụ thu đông.

Thời vụ: Vụ xuân muộn từ 1-15/3, vụ hè từ 20/5-15/6, vụ thu đông từ 20/8-20/9.

Mật độ và mức phân bón, kỹ thuật bón như các giống khác.

Chú ý: Cần bón phân hợp lý và bấm ngọn vào thời kỳ 4-5 lá trong vụ hè.

4. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG AK 05

1. Nguồn gốc

TS. Trần Văn Lài và KS. Trần Thị Đính - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo. Giống AK05 được chọn lọc cá thể từ một dạng phân ly của dòng G2261 nhập nội của Đài Loan năm 1982. Được công nhận giống quốc gia năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây sinh trưởng khỏe, chiều cao cây 50-60cm, thời gian sinh trưởng 98-105 ngày, hạt vàng sáng đẹp, khối lượng 1.000 hạt 130-135gramạ. Năng suất trung bình 13-15 tạ/ha. Khả năng chống chịu sâu bệnh trung bình, chịu hạn, chịu rét khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Vụ xuân 5-20/2, vụ đông 15-30/9.

Mật độ 40-45 cây/m^2. Yêu cầu kỹ thuật, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh như các giống khác.

5. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG DT 84 (DT 84-9)

1. Nguồn gốc

Tác giả TS. Mai Quang Vinh - Viện Di truyền Nông nghiệp. Giống DT 84 được tạo bằng xử lý đột biến dòng 33-3 (Tổ hợp lai ĐT80 × ĐH4) bằng tia gamma C_0^{60}/18Kr, đến M_9 thu được dòng 84-9 ổn định. Được công nhận giống quốc gia năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây sinh trưởng khỏe, cao trung bình 50-60cm, ít phân canh. Thời gian sinh trưởng từ 85-95 ngày. Hạt

to, màu vàng sáng. Khối lượng 1.000 hạt 150-160gram. Năng suất trung bình 13-18 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Vụ xuân 15/2-10/3, vụ hè từ 15/6-5/7, vụ đông từ 5-20/9.

Mật độ 45-50 cây/m^2, vụ hè 40 cây/m^2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng như các giống đậu tương khác.

Chú ý: Phòng trừ bệnh xoăn lá và dòi đục quả ở thời kỳ quả non. Trong vụ hè áp dụng biện pháp ngắt ngọn khi cây có 4-5 lá thật để tăng số cành và đốt.

6. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG ĐT92

1. Nguồn gốc

Tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, TS. Nguyễn Tấn Hinh, KS. Phạm Văn Thuận, TS. Đào Quang Vinh, KS. Nguyễn Quốc Tuấn và CTV - Bộ môn đậu đỗ Viện Cây lương thực và cây thực phẩm chọn tạo từ cặp lai ĐH4 × TH84 năm 1982, được công nhận năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng vụ xuân 105 ngày, vụ đông 95 ngày, cây cao 40-70cm, hoa màu tím, hạt vàng, rốn hạt màu nâu đen: khối lượng 1.000 hạt 150-160gram. Năng suất trung bình 14-16 tạ/ha. Giống ĐT92 chống chịu bệnh rỉ sắt.

Thời vụ: Vụ xuân 15/2-5/3, vụ hè 15/6-5/7, vụ đông 5-20/9.

Mật độ 45-50 cây/m^2, vụ hè 40 cây/m^2. Các biện pháp kỹ thuật áp dụng như các giống đậu tương khác.

Chú ý: Chăm bón tốt giai đoạn làm quả, làm hạt.

7. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG ĐT93 (862)

1. Nguồn gốc

TS. Lê Song Dự trường Đại học Nông nghiệp I cùng các thạc sỹ Nguyễn Thị Lý, Ngô Đức Dương - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo từ cặp lai giữa dòng 821 (VN) và dòng 134 (Nhật Bản). Được công nhận năm 1997.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống ĐT93 sinh trưởng tốt trong cả 3 vụ xuân, hè và đông; chiều cao cây 45-60cm, thời gian sinh trưởng 75-85 ngày. Dạng hạt tròn hơi bầu, màu vàng sáng, khối lượng 1.000 hạt 125-140gra,m. Năng suất trung bình 12-14 tạ/ha. Là giống ít nhiễm bệnh rỉ sắt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ trên đất thịt nhẹ, đất cát pha bạc màu ĐT93 thích hợp và cho năng suất cao.

Thời vụ: Vụ xuân 1-15/3.
Vụ hè 25/5-15/6.
Vụ đông 20/9-5/10.

Mật độ từ 35-40 cây/m^2, vụ đông 40-45 cây/m^2. Mức phân bón cho 1 ha: 5-7 tấn phân chuồng, 20 N + 60 P_2O_5 + 30 K_2O. Kỹ thuật chăm bón như các giống đậu tương khác.

8. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG DT94

1. Nguồn gốc

TS. Mai Quang Vinh chọn tạo từ dòng 86-06 của tổ hợp lai DT84 × EC 2044 từ năm 1990. Được phép khu vực hóa năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống DT94 có chiều cao từ 45-55cm, phản ứng yếu với ánh sáng, phân cành mạnh trong vụ hè, trong điều kiện ánh sáng yếu trong vụ đông và xuân thì số cành cấp 1 thấp hơn trong vụ hè.

Thời gian sinh trưởng:

Vụ xuân - hè từ 90-96 ngày.

Vụ đông 88-92 ngày.

Tỷ lệ quả 3 hạt đạt trên 10%. Hạt to trung bình, màu vàng, rốn hạt màu nâu nhạt, khối lượng 1.000 hạt 140-150gram. Năng suất trung bình đạt 15-20 tạ/ha. Giống DT94 nhiễm nhẹ các bệnh rỉ sắt, sương mai và đốm vi khuẩn.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống DT94 trồng được 3 vụ trong năm ở các tỉnh phía Bắc.

Thời vụ: Vụ xuân 15/2-15/3.

Vụ hè 25/5-30/6.

Vụ đông 15-30/9.

Mật độ vụ xuân 35 cây/m^2, vụ hè 25 cây/m^2, vụ đông 40 cây/m^2. Mức phân bón cho 1 ha: 40 N + 60 P_2O_5

+ 40 K_2O + 5-7 tấn phân chuồng. Là giống có tiềm năng cho năng suất cao nếu được thâm canh. Kỹ thuật chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh như các giống khác.

9. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG TL57 (A57)

1. Nguồn gốc

Tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, TS. Nguyễn Tấn Hinh, KS. Phạm Văn Thuận, TS. Đào Quang Vinh, KS. Nguyễn Quốc Tuấn và CTV - Bộ môn đậu đỗ Viện cây lương thực và cây thực phẩm chọn tạo từ tổ hợp lai Đ95 × VX9-3 năm 1987. Được phép khu vực hóa năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chiều cao cây 60-80cm. Thời gian sinh trưởng vụ xuân từ 100-110 ngày, vụ đông 95-100 ngày. Bản lá to, xanh đậm, cứng cây có khả năng chống đổ, hoa màu trắng, hạt vàng sáng, rốn hạt màu nâu nhạt, số quả chắc trên cây 20-30. Khối lượng 1.000 hạt từ 150-160gram. Năng suất trung bình 15-20 tạ/ha, nhiễm nhẹ bệnh rỉ sắt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng thích hợp ở vụ xuân và vụ đông của đồng bằng, trung du Bắc bộ.

Thời vụ và mật độ:

Vụ xuân 5-25/2, mật độ 25-30 cây/m^2.

Vụ đông 15-30/9, mật độ 30-35 cây/m^2.

Lượng phân bón và chăm sóc như các giống DT94, VX9-2.

10. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG DT95

1. Nguồn gốc

TS. Mai Quang Vinh và cộng tác viên - Viện Di truyền nông nghiệp chọn tạo theo phương pháp xử lý đột biến giống đậu tương AK04 bằng tác nhân tia gamma C_0^{60}/18Kr từ vụ hè thu 1991. Được phép khu vực hóa năm 1997.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống DT95 là giống có năng suất cao ở cả 2 vụ xuân và đông, có phản ứng yếu với độ dài chiếu sáng, cây cao 55-80cm, thời gian sinh trưởng vụ xuân 93-106 ngày, vụ đông 90-98 ngày, số quả chắc trên cây 20-30 quả, tỷ lệ quả 3 hạt từ 12-25%. Hạt màu vàng sáng, rốn hạt màu nâu đen. Khối lượng 1.000 hạt 150-160gram. Năng suất trung bình 22-27 tạ/ha. Chống chịu với các bệnh rỉ sắt, đốm vi khuẩn, lở cổ rễ trung bình, chống đổ yếu, trong vụ xuân sinh trưởng không đồng đều.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Là giống có tiềm năng năng suất cao ở các vùng sinh thái phía Bắc nên yêu cầu thâm canh cao.

Thời vụ: Vụ xuân 15/2-15/3.
Vụ hè 25/5-30/6.
Vụ đông 15-30/9.

(Các tỉnh phía Nam gieo theo thời vụ của vùng).

Mật độ vụ xuân 35 cây/m^2, vụ hè 25 cây/m^2, vụ đông 40 cây/m^2. Lưu ý điều chỉnh mật độ thích hợp sẽ

hạn chế đổ cuối vụ. Mức độ phân bón và kỹ thuật chăm bón như giống DT94.

11. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG HL92

1. Nguồn gốc

Có tên gốc AGS327(A) là giống nhập nội từ bộ giống đậu tương khảo nghiệm quốc tế của Trung tâm nghiên cứu và phát triển Rau Đậu châu Á (AVRDC - Đài Loan) năm 1992. Giống do Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc chọn lọc và giới thiệu (Hà Cửuy Tiến, Phạm Văn Ngọc, Hoàng Kim, Mai Văn Quyền 1995). Được phép khu vực hóa năm 1997.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 70-75 ngày, chín sớm hơn giống Nam Vang khoảng 10 ngày.

Năng suất cao ổn định 1.100 - 2.000 kg/ha. Vượt năng suất đậu nành Nam Vang 22-25%.

Chiều cao cây 30-50cm. Số quả chắc trên cây 17-30 quả. Tỷ lệ quả 3-4 hạt khoảng 50%.

Khối lượng 1.000 hạt 120-140gram.

Năng suất 11-20 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Hạt vàng bóng, mắt hồng, thích hợp thị hiếu thương phẩm.

Kháng bệnh xoắn lá, thối quả. Nhiễm bệnh rỉ sắt ở mức trung bình.

Thích ứng nhiều vùng sinh thái, đặc biệt thích hợp mô hình trồng xen bắp lai và gối thuốc lá trong vụ thu đông ở vùng Đông Nam bộ.

Mô hình trồng bắp lai hè thu (giống L8) luân canh với thuốc lá thu đông xen thêm đậu tương và bắp lai theo phương thức trồng một hàng bắp lai (L8, Pacific 60 hoặc Uniseed 90) xen sáu hàng đậu tương (giống HL92) và gối 3-4 hàng thuốc lá là mô hình cây trồng thích nghi sinh thái và có hiệu quả kinh tế ở đất đỏ Đông Nam bộ.

12. GIỐNG ĐẬU TƯƠNG HL2

1. Nguồn gốc

Do Viện Khoa học Nông nghiệp miền Nam tạo ra giữa giống Nam Vang và XV87-C2. Được công nhận năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 86-90 ngày. Cây cao 45-50cm, cây cứng, chống đổ tốt. Tán lá gọn, lá nhỏ, thích hợp với trồng xen. Số quả/cây 40-50. Tỷ lệ quả 3-4 hạt cao, hạt màu vàng, rốn hạt màu hồng nhạt. Khối lượng 1.000 hạt 130-140gram.

Ít nhiễm các bệnh thối quả, bệnh xoăn lá virus và bệnh rỉ sắt. Nhiễm nhẹ bệnh đốm phấn, đốm lá vi khuẩn. Hàm lượng protein thô 34,5-38,5%. Hàm lượng N tổng số 5,52-6,16%.

Năng suất 12-16 tạ/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với vùng Đông Nam bộ, có thể trồng xen với các cây trồng khác.

IV. CÁC GIỐNG ĐẬU ĂN QUẢ (ĐẬU RAU)

1. CÂY ĐẬU BẮP ĐB1

1. Nguồn gốc

Nhập từ Nhật Bản năm 1992 được chọn lọc từ 1993 ở Viện nghiên cứu rau quả. Năm 1996 được phép đưa vào khảo nghiệm và trồng thử ở một số nơi.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây thân thảo, thời gian sinh trưởng 150 ngày, thân nhiều lông, rỗng và xốp. Cây có 3-7 cành cấp 1, lá hình tim xẻ thuỳ, lá viền răng cưa.

Quả có gai nhỏ, màu xanh đậm, nhiều hạt.

Năng suất cao 20-25 tấn quả/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Quả đậu bắp dùng để xào nấu như các loại quả đậu khác.

Trồng được trên nhiều loại đất, chú ý thoát nước tốt và giữ ẩm trong mùa khô.

Sâu bệnh chủ yếu là rệp hại trên hoa.

2. ĐẬU CÔ VE LEO

1. Nguồn gốc

Là giống thuần do Công ty Giống cây trồng miền Nam tuyển chọn từ giống đậu nhập nội của Đài Loan, được trồng phổ biến từ năm 1996.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây sinh trưởng mạnh, phù hợp với điều kiện canh tác ở nhiều nơi.

Cho thu hoạch quả 50-55 ngày sau khi trồng, thời gian thu hoạch kéo dài 30-35 ngày.

Hạt màu đen khi già, hoa chùm màu tín, hoa ít rụng, đậu quả tốt. Quả thẳng dài 14-16cm, màu xanh nhạt, hạt chậm phát triển trong thời gian đầu nên chất lượng quả tươi rất ngon, hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Năng suất 18-22 tấn/ha.

Chống chịu tốt với điều kiện bất lợi.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Đậu cô ve leo trồng vào tháng 8-12 dương lịch. Nên trồng ở nơi đất cao, thoát nước tốt, mùa mưa cần đánh luống cao. Có thể trồng hàng đơn hoặc hàng đôi khoảng cách 0,8-1,2m, cây × cây 20cm × 1 hốc 2-3 hạt. Sau mọc tỉa để 2 cây/hốc. Mật độ trồng 100.000 cây/ha.

Lượng phân bón cho 1 ha: 20 tấn phân hữu cơ, 800kg phân hỗn hợp NPK (tỷ lệ hỗn 16-16-8) + 100kg urê.

- Cách bón: Bón thúc vào các ngày 10, 25, 50 ngày sau trồng, bón nuôi quả sau khi thu 1-2 lứa đầu. Sau trồng 20 ngày làm giàn cho đậu leo.

Chú ý: Mùa khô cần phòng trừ sâu vẽ bùa, dòi đục gốc, sâu ăn hoa, đục quả. Mùa mưa chú ý phun thuốc phòng bệnh héo cây con, bệnh vàng lá do vi khuẩn.

3. GIỐNG ĐẬU ĐŨA HỒNG ĐÀO CAO SẢN

(Highyielding yard long bean)

1. Nguồn gốc

Giống do Công ty Giống cây trồng miền Nam tuyển chọn.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng mạnh, chống chịu tốt trong điều kiện ngoại cảnh bất lợi, có thể trồng quanh năm, thích nghi rộng. Cây cho nhiều hoa, dễ đậu quả, sau trồng 45-50 ngày thì cho thu hoạch và thời gian thu kéo dài 40-50 ngày. Năng suất 25-35 tấn/ha. Quả dài 45-55cm, thẳng, màu xanh đậm có vết đỏ ở đuôi quả, thịt mỏng, ăn rất giòn và ngon ngọt. Hạt màu đỏ. Trồng mùa mưa, quả mọng nước, trông ngon hơn trồng mùa nắng.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Lên liếp rộng 1,2m, trồng thành 2 hàng cách nhau 0,8-0,9m, cây cách cây 35-45cm. Gieo 3 hạt/hốc, sâu 2cm, giữ lại 2 cây. Sau khi gieo 10-15 ngày, khi cây bỏ vòi, cắm chà, giàn cao 2,5m cho đậu leo. Một ha cần 15-16kg hạt giống.

4. GIỐNG ĐẬU ĐŨA HỒNG ĐIỂM CAO SẢN

(Highyielding yard long bean)

1. Nguồn gốc

Giống do Công ty Giống cây trồng miền Nam tuyển chọn.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng mạnh, chống chịu tốt, có thể trồng quanh năm ở nhiều nơi trên nhiều loại đất khác nhau. Cây cho nhiều hoa, dễ đậu quả, thu hoạch sớm 45-50 ngày sau khi trồng và thời gian thu hoạch đến 40-45 ngày. Quả dài 55-60cm, thẳng, màu xanh trung bình, thịt khá dày, ăn giòn, ngon ngọt. Hạt màu trắng đỏ. Năng suất 25-35 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Lên liếp rộng 1,2m, trồng thành 2 hàng cách nhau 0,8-0,9m, cây cách cây 35-45cm. Gieo 3 hạt/hốc, sâu 2cm, giữ lại 2 cây. Sau khi gieo 10-15 ngày, khi cây bỏ vòi, cắm chà, giàn cao 2,5m cho đậu leo. Một ha cần 15-16kg hạt giống.

V. CÁC GIỐNG CẢI BẮP

1. GIỐNG CẢI BẮP CB26

1. Nguồn gốc

Tác giả: KS. Nguyễn Trọng Mai và các cộng tác viên, Trung tâm kỹ thuật rau quả Hà Nội.

Bắt đầu chọn tạo từ năm 1981, được công nhận đưa vào sản xuất năm 1990. Giống cải bắp CB26 được tạo ra bằng phương pháp chọn lọc cá thể nhiều năm từ giống cải bắp được trồng lâu năm ở Phù Đổng, Hà Nội.

2. Những đặc tính chủ yếu

Đường kính tán lá 40-50cm, dạng bắp bánh dày cao 13-15cm, đường kính bắp 15-17cm.

Là giống cải bắp sớm, ngắn ngày, thời gian từ trồng đến thu hoạch từ 75-90 ngày.

Năng suất trung bình 30 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 35 tấn/ha, tỷ lệ cuốn bắp 92-95%. Khối lượng trung bình 1 bắp từ 1,2-1,5kg, cuốn khá chặt.

Phẩm chất tốt, giòn, kích thước bắp vừa phải thuận tiện cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

Chịu được nhiệt độ cao lúc vào cuốn. Chống bệnh héo rũ và thối nhũn tốt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố thích hợp: Đồng bằng trung du Bắc bộ, trên chân đất cát pha hoặc thịt nhẹ, tơi xốp, thoát nước, chủ động tưới. Thời vụ trồng gieo hạt 15/7-15/9, trồng 15/8-15/10.

Kỹ thuật trồng: Luống rộng 1,2m (cả rãnh), trồng 2 hàng, hàng × hàng 50cm, cây × cây 45cm, mật độ 3,2-3,4 vạn cây/ha.

Phân bón (1 ha): Phân chuồng 30 tấn; phân hóa học 450kg urê + 500kg supe lân + 200kg kali sunfat. Bón lót 20 tấn phân chuồng + 150kg urê + toàn bộ lân + 100kg kali sunfat.

Bón thúc lần 1 (sau hồi xanh) 50kg urê. Bón thúc lần 2 (trải lá bàng) 150kg urê + 50kg kali sunfat. Bón thúc lần 3 (vào cuốn) số phân đạm và kali còn lại.

Lưu ý: Làm giàn che cây con vụ sớm.

2. GIỐNG CẢI BẮP AKCROSS

1. Nguồn gốc

Là giống nhập nội từ Nhật Bản được sản xuất rộng ở nhiều địa phương.

2. Những đặc tính chủ yếu

Lá và gân lá xanh, lá dày, bắp to, mặt bắp hơi dẹt, khối lượng bắp từ 1,7-1,8kg. Tỷ lệ cuốn bắp đạt 96-97%, bắp cuốn chặt, dạng đẹp. Đường kính tán cây từ 50-55cm.

Akcross có thời gian sinh trưởng trung bình. Thời gian từ trồng-thu hoạch từ 80-90 ngày. Năng suất đạt 50-55 tấn/ha. Khả năng chịu nhiệt và kháng bệnh tốt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố thích hợp: Có thể sinh trưởng tốt ở hầu hết các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc bộ trên chân đất cát pha, thịt nhẹ, tưới tiêu chủ động.

Lượng phân bón cho 1 ha: 30-35 tấn phân chuồng + 125kg N + 150kg P_2O_5 + 125kg K_2O.

Thời vụ trồng: Tương tự các giống bắp cải thông thường song cho năng suất cao nhất ở vụ đông và đông xuân.

Kỹ thuật trồng: Tương tự giống cải bắp K60.

3. GIỐNG CẢI BẮP K60 (KING 60)

1. Nguồn gốc

Là giống cải bắp được nhập nội từ Nhật Bản, được Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Trung

ương tiến hành khảo nghiệm từ 1998 và chứng tỏ có triển vọng tốt.

2. Những đặc tính chủ yếu

Lá xanh thẫm, to, dày, gân lá trắng. Bắp to, tròn, đường kính tán cây từ 50-60cm. Tỷ lệ cuốn bắp cao, đạt 96-98%, khối lượng 1 bắp từ 1,7-2,0kg.

Thời gian sinh trưởng dài hơn Akcross từ 5-10 ngày. Thời gian từ trồng đến thu hoạch khoảng 80-95 ngày.

Là giống có tiềm năng năng suất cao. Năng suất trung bình đạt 50-60 tấn/ha. Phẩm chất ngon, ăn giòn, ngọt.

Dạng hình cây đẹp, khả năng chống chịu điều kiện ngoại cảnh cũng như sâu bệnh tốt. Là giống có khả năng thâm canh cao.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

K60 thích hợp với những vùng thâm canh ở đồng bằng, trung du Bắc bộ, chân đất cát pha hoặc thịt nhẹ, tơi xốp, tưới tiêu chủ động. Thời vụ có thể trồng từ vụ thu đông tới vụ xuân.

Kỹ thuật trồng: Luống rộng 1,3m (cả rãnh), trồng 2 hàng: hàng cách hàng 55-60cm, cây cách cây 45-50cm. Mật độ trồng từ 3,0-3,3 vạn cây/ha.

Lượng phân bón cho 1 ha: 30-35 tấn phân chuồng + 125kg N + 150kg P_2O_5 +125kg K_2O.

Tương tự các giống cải bắp thông thường khác song lưu ý K60 chịu thâm canh nên cần bón lượng phân tăng hơn so với các giống khác nhằm phát huy tiềm năng năng suất của giống.

VI. CÁC GIỐNG CẢI XANH, CẢI NGỌT, ỚT

1. CẢI XANH NGỌT CX1

1. Nguồn gốc

Giống nhập từ Vân Nam Trung Quốc năm 1993, được thuần hóa và chọn lọc tại Viện Rau quả chọn ra giống CX1.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 30-40 ngày (kể cả giai đoạn vườn ươm), lá xanh đậm hình quạt mo, gân nhỏ, bẹ dài màu xanh nhạt, cây dáng hình chữ V gọn. Số lá/cây lúc thu hoạch 8-12 lá. Khối lượng bình quân 100-150gram/cây.

Năng suất 20-30 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Cải xanh ngọt có thể sản xuất hạt tại vùng đồng bằng Bắc bộ.

Có thể trồng nhiều vụ/năm, 1 năm 2 vụ, trồng được nhiều vùng khác nhau. Có thể sản xuất hạt giống ở đồng bằng Bắc bộ.

2. CẢI NGỌT SỐ 4

1. Nguồn gốc

Do Công ty giống cây trồng miền Nam tuyển chọn từ giống cải ngọt Cần Thơ.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng mạnh, chống chịu tốt với các điều kiện bất lợi.

Cho thu hoạch từ 20-25 ngày sau cấy.

Phiến lá mỏng, to, màu xanh vàng, lá dài 36-40cm. Cọng xanh trắng, tròn nhỏ, ăn ngọt, thích hợp khẩu vị.

Năng suất 20-25 tấn/ha.

Ít nhiễm bệnh thối nhũn.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng được quanh năm ở đồng bằng phía Nam.

Gieo bầu hoặc trên vườn ươm. Cây con trồng có 5-6 lá.

Lên luống 1m, rãnh 40cm, trồng 7-8 hàng/luống. Cây × cây 10-15cm. Mật độ trồng 40-50 vạn cây/ha.

Lượng phân 20 tấn phân hữu cơ, 100kg urê, 20-25kg DAP và 50kg KCl. Tưới thúc 3-5 ngày 1 lần.

Chú ý phòng trừ sâu vẽ bùa, bọ nhảy.

3. CẢI NGỌT TRANG NÔNG

1. Nguồn gốc

Do Công ty TNHH TM Trang Nông tuyển chọn nhập từ Đan Mạch.

2. Những đặc tính chủ yếu

Là giống tuyển lựa, có sức phát triển tốt, chịu nhiệt, giống được trồng phổ biến ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung. Thời gian sinh trưởng từ 40-45 ngày sau khi gieo nếu cấy; 30-35 ngày sau khi gieo nếu sạ lan (gieo thẳng).

Dáng cây to đẹp, lá lớn màu xanh dày mướt, bẹ lá hơi dẹp có màu xanh vừa, chiều cao cây trung bình 35-45cm. Năng suất trung bình 2.500kg/1.000m^2. Chất lượng sản phẩm thích hợp cho người tiêu dùng để ăn

tươi và chế biến. Giống có thể trồng được quanh năm ở nhiều dạng đất khác nhau.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống có thể gieo nhổ cấy hoặc gieo thẳng (sạ). Cày bừa đất tơi xốp, chia luống ngang 1m, rãnh 40cm, gieo thẳng, sau khi hạt nảy mầm tỉa bỏ cây con dần để chừa khoảng cách thích hợp.

Khoảng cách cấy: Hàng cách hàng trên luống 20-25cm và cây cách cây trên hàng 15cm. Mật độ trồng trung bình 19.000-23.000 cây/1.000m^2.

Lượng phân bón: 3 tấn phân hữu cơ, 10kg urê, 20kg DAP và 5kg KCl. Tưới phân thúc 3-5 ngày/lần.

Chú ý phòng trừ sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy...

4. GIỐNG CẢI XANH SỐ 6

(Chinese Mustard)

1. Nguồn gốc

Giống thuần do Công ty Giống cây trồng miền Nam tuyển chọn từ giống cải xanh Tiền Giang, giống được sản xuất và phổ biến từ năm 1994.

2. Những đặc tính chủ yếu

Tăng trưởng mạnh, chống chịu tốt với điều kiện bất lợi. Ít nhiễm bệnh thối nhũn (Erwinia carotovora) và thối hạch (Rhizoctonia solani).

Lá mỏng, màu xanh vàng, răng cưa đều, phiến to, lá dài 36-40cm, bẹ dẹp, ít cay, dùng ăn sống hay chế biến, nấu chín. Sau 20-22 ngày khi cấy hay 35-40

ngày khi gieo thì cho thu hoạch. Năng suất cao từ 20-25 tấn/ha. Cải bắt đầu trổ hoa 25 ngày sau khi cấy.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng được quanh năm. Gieo hạt trong bầu hay trên líp, cây con 4-5 lá (16-20 ngày) thì đem ra trồng. Líp rộng 1m, rãnh 40cm, trồng 6 hàng trên líp, khoảng cách cây trên hàng 10-15cm. Mật độ trồng 300.000-350.000 cây/ha.

Lượng phân cho 1 ha: 20 tấn phân hữu cơ, 100kg urê, 20-50kg DAP và 50kg KCl. Cải sinh trưởng nhanh nên cần tưới phân thúc 3-5 ngày/lần.

Trồng cải mùa nắng chú ý phòng trừ sâu vẽ bùa (Liriomyza trifollii), sâu ăn tạp (Helicoverpa litura); Đầu mùa mưa chú ý phòng ngừa bọ nhảy (Phyllotreta sp.).

5. ỚT CAY SỐ 20

1. Nguồn gốc

Là giống lai F1 do Công ty giống cây trồng miền Nam lai tạo từ nguồn bố mẹ nhập nội.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng mạnh, tán rộng, cây cao 80-90cm. Nhiều quả bắt đầu cho thu hoạch 65-70 ngày sau khi trồng, thời gian thu hoạch dài.

Quả thon dài, thẳng, vỏ xanh đậm bóng láng khi xanh, đỏ đậm khi chín. Quả dài 14-16cm, 8-10 quả/kg, ít cay.

Năng suất 20-30 tấn/ha.

Ít nhiễm bệnh héo tươi, chống chịu kém bệnh thối rụng quả xanh.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng được nhiều nơi vùng đồng bằng phía Nam trong mùa khô, gieo từ tháng 9 - tháng 2.

Cây con 5-6 lá đem trồng. Luống đánh rộng 1m trồng 2 hàng kiểu nanh sấu, cây × cây 50-60cm. Mật độ 24.000-26.000 cây/ha.

Phân bón: 1000-1200kg phân hỗn hợp 16-16-8/ha. Thúc 20 ngày 1 lần.

Khi ớt có hoa, tỉa bỏ chồi nách dưới điểm phân cành, ngắt bỏ hoa quả ở tầng thứ 1, 2, 3 để cây phân tán đều và thu quả tập trung.

Làm giàn đỡ cây tránh đổ ngã.

Phòng bọ trĩ, sâu vẽ bùa, sâu ăn tạp, sâu xanh, bệnh sương mai, héo chết cây.

VII. CÁC GIỐNG CÀ CHUA

1. GIỐNG CÀ CHUA HỒNG LAN

1. Nguồn gốc

Tác giả: VS. GS. Vũ Tuyên Hoàng và các cộng tác viên Viện cây lương thực và cây thực phẩm.

Giống cà chua Hồng Lan được tạo ra bằng phương pháp chọn lọc từ một dạng đột biến tự nhiên của giống cà chua Ba Lan trắng từ vụ đông xuân năm 1981-1982. Giống được phép khu vực hóa năm 1991 và công nhận năm 1994. Hiện đang được mở rộng diện tích trong vụ đông giữa hai vụ lúa ở một số địa phương đồng bằng Bắc bộ.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống thuộc dạng hình sinh trưởng hữu hạn, cây con sinh trưởng nhanh, phát triển đều, cây trưởng thành thân lá gọn.

Thời gian sinh trưởng khoảng 105-115 ngày.

Dạng quả tròn đầy không múi (hệ số dạng quả 0,8-0,9), thời kỳ quả non vai và dọc quả có màu xanh. Quả ra tập trung, thời gian thu hoạch quả tập trung từ cuối tháng 12 đến giữa tháng 2 năm sau. Hồng Lan cho năng suất khá cao và tương đối ổn định, trong điều kiện thâm canh trung bình cho năng suất 25-30 tấn/ha. Phẩm chất quả khá. Chống chịu bệnh mốc sương và nấm khuẩn trung bình khá. Tỷ lệ nhiễm bệnh virus trên đồng ruộng rất thấp.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Do thời gian sinh trưởng tương đối ngắn, năng suất khá, dạng quả tròn đều đẹp, chín tập trung, nên trồng giống Hồng Lan vào vụ đông trên cơ cấu đất hai vụ lúa ở vùng đồng bằng trung du Bắc bộ.

Thời vụ thích hợp là vụ đông chính vụ gieo cuối tháng 8 đầu tháng 9, để trồng vào cuối tháng 9 đầu tháng 10. Không được gieo muộn vì sẽ bị mốc sương phá hại nghiêm trọng.

Mật độ trồng: Luống rộng 1,4m; trồng hàng kép; hàng × hàng 70cm; cây × cây 45-50cm. Có thể trồng không giàn, nếu có giàn năng suất sẽ cao hơn.

Phân bón cho 1 ha: 20 tấn phân chuồng + 220kg urê + 500kg supe lân + 220kg kali sunfat hoặc clorua.

Bón lót toàn bộ phân chuồng, phân lân. Phân đạm và kali chia 4 lần bón thúc.

2. GIỐNG CÀ CHUA CS1

1. Nguồn gốc

CS1 là giống nhập nội của Trung tâm nghiên cứu và phát triển rau châu Á (AVRDC) Đài Loan. Giống đã được Trung tâm kỹ thuật rau quả Hà Nội chọn lọc từ 1989, được Hội đồng khoa học Bộ Nông nghiệp và CNTP khu vực hóa từ 1994.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống cà chua CS1 có dạng hình sinh trưởng hữu hạn, chiều cao cây trung bình (60-70cm) có thể trồng không cắm giàn ở những chân đất cao thoát nước.

CS1 có thời gian sinh trưởng ngắn (khoảng 120 ngày), 2-3 cành/cây, sai quả (20-30 quả/cây), quả nhỏ (40-50 gram/quả). Năng suất khá cao (25-30 tấn/ha), điều kiện thâm canh có thể đạt 35-40 tấn/ha; chất lượng quả cao hơn giống Ba Lan và Múi Hà Nội. CS1 là giống cà chua chịu nhiệt, tỷ lệ cây nhiễm bệnh virus thấp hơn nhiều so với các giống cùng trồng trong mùa vụ.

Giống cà chua CS1 thích hợp trồng vụ xuân hè và đông sớm.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Để đạt năng suất và phẩm chất của giống cà chua CS1 cần áp dụng một số biện pháp kỹ thuật sau:

Thời vụ: Vụ xuân hè gieo từ 15/2-30/3, trồng từ 15/3-25/4, thu hoạch từ 1/6-10/7. Vụ đông sớm gieo từ 15/6-15/7, trồng từ 10/7-10/8, thu hoạch từ 15/9-15/10.

Lượng phân bón cho 1 ha: 15-20 tấn phân chuồng + 400kg urê + 400kg supe lân + 400kg kali sunfat.

Cách bón: Phân chuồng và phân lân bón lót 100%. Bón thúc đợt 1: 25% urê + 25% phân kali, đợt 2: 50% urê + 50% phân kali, đợt 3: bằng lượng bón thúc lần 1.

3. GIỐNG CÀ CHUA MV1

1. Nguồn gốc

Có nguồn gốc từ Mondavi (Liên Xô cũ) do TS. Nguyễn Hồng Minh trường Đại học nông nghiệp I chọn lọc. Giống đưa vào khảo nghiệm từ năm 1996, được công nhận là giống quốc gia năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Là giống ngắn ngày 90-100 ngày, từ trồng đến thu quả 50-63 ngày.

Chịu nhiệt độ cao và ẩm độ cao thấp khác nhau, trồng quả vụ vẫn cho năng suất cao 33-36 tấn/ha. Năng suất vụ chính nếu thâm canh đạt 52-60 tấn/ha.

Tỷ lệ đậu quả cao, quả có kích thước vừa phải, ít dập nát khi vận chuyển, quả màu đỏ tươi hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Chống chịu tốt với bệnh xoăn lá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Cà chua MV1, có thể trồng quả vụ để giải quyết lúc giáp vụ rau (vụ xuân hè và thu đông).

Vụ đông trồng trên đất 2 lúa.

Vụ quả cần đất thoát nước, lên luống cao.

4. CÀ CHUA QUẢ NHỎ CHỊU NHIỆT VR2

1. Nguồn gốc

Nhập từ tập đoàn của Trung tâm Rau màu châu Á (Đài Loan). Do KS. Vũ Thị Tình và CTV - Viện nghiên cứu rau quả đưa vào so sánh và chọn lọc. Được khu vực hóa năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân mảnh, phân nhánh ít, cây cao trung bình 100-110cm, thuộc loại hình sinh trưởng hữu hạn. Thời gian thu hoạch 50-60 ngày kể từ ngày trồng. Lá kép nhỏ, bản lá mỏng, hoa chùm màu vàng tươi. Quả hình trụ, lúc xanh có màu sáng, chín chuyển sang màu đỏ đậm, thịt quả chắc, ít hạt, khối lượng mỗi quả 5-6gram mỗi cây 150-180 quả. Năng suất cao, vụ xuân 18-25 tấn/ha, vụ đông xuân 26-30 tấn, hè thu 8-11 tấn/ha. Có khả năng chịu nhiệt cao, chống chịu bệnh sương mai.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Cà chua nhỏ chịu nhiệt trồng được quanh năm, vụ hè thu chịu nóng vẫn cho năng suất cao. Quả có thể dùng ăn tươi và làm salat.

Trồng được ở nhiều vùng, nhất là những vùng nóng gay gắt đất cát, cát pha.

Đất cày bừa kỹ, lên luống rộng 1,4-1,6m, mùa hè cần lên luống cao đảm bảo thoát nước tốt.

5. GIỐNG CÀ CHUA LAI SỐ 1

1. Nguồn gốc

Là con lai F1 của tổ hợp lai (P × HL1) và (16 × số 7) do tập thể các tác giả Viện cây lương thực và cây thực phẩm: GS. VS Vũ Tuyên Hoàng, TS. Đào Xuân Thắng, KS. Đoàn Xuân Cảnh chọn lọc từ vụ Đông 1994 và được phép khu vực hóa năm 1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống cà chua lai số 1 có dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, cây to, mập, sinh trưởng khỏe, thời gian sinh trưởng trung bình. Quả tròn, màu đỏ thẫm, hấp dẫn. Khối lượng bình quân một quả từ 90-100gram, mỗi cây có từ 19-22 quả. Năng suất trung bình đạt 40-45 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt 50-55 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể gieo trồng tốt từ vụ thu đông tới vụ xuân năm sau tại các tỉnh phía Bắc. Tuy nhiên thời vụ thích hợp là đông chính vụ: gieo cuối tháng 8 đầu tháng 9, trồng cuối tháng 9 đầu tháng 10.

Yêu cầu kỹ thuật: Mật độ trồng: luống rộng 1,5-1,6m; trồng hàng kép hàng × hàng 65-70cm, cây cách cây 40-45cm.

Phân bón cho 1 ha: (25-30) tấn phân chuồng + (300-320)kg urê + 500kg supe lân + (300-350)kg kali clorua.

Chú ý: Đây là giống lai nên có thể thâm canh cao hơn các giống cà chua thông thường.

6. GIỐNG CÀ CHUA LAI SỐ 2

1. Nguồn gốc

Do tập thể các tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, TS. Đào Xuân Thắng, KS. Đoàn Xuân Cảnh - Viện cây lương thực và cây thực phẩm chọn tạo từ con lai của tổ hợp lai (P × HL1) và (16 × số 7). Giống được phép khu vực hóa năm 1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Cây mập, sinh trưởng phát triển khá, cây cao từ 1,5-1,8m. Quả tròn hơi dài, màu đỏ tươi. Thời gian sinh trưởng từ trồng đến kết thúc thu hoạch từ 90-120 ngày tuỳ thời vụ. Số quả một cây từ 16-18 quả, khối lượng bình quân một quả đạt 95-110gr. Năng suất trung bình đạt 40-45 tấn/ha. Thâm canh tốt có thể đạt tới 55 tấn/ha.

Kháng bệnh mốc sương tốt,khả năng kháng bệnh virus và sương mai trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể gieo trồng tốt từ vụ thu đông tới vụ xuân năm sau tại các tỉnh phía Bắc. Thời vụ thích hợp là đông chính vụ: gieo cuối tháng 8 đầu tháng 9, trồng cuối tháng 9 đầu tháng 10.

Yêu cầu kỹ thuật: Mật độ trồng: luống rộng 1,5-1,6m; trồng hàng kép hàng × hàng 65-70cm, cây cách cây 40-45cm.

Phân bón cho 1 ha: (25-30) tấn phân chuồng + (300-320)kg urê + 500kg supe lân + (300-350)kg kali clorua.

Chú ý: Đây là giống lai nên có thể thâm canh cao hơn các giống cà chua thông thường.

7. GIỐNG CÀ CHUA XH1

1. Nguồn gốc

Do tác giả Vũ Thị Tình - Viện nghiên cứu rau quả Trung ương chọn lọc từ tập đoàn giống cà chua chịu nhiệt của Trung tâm phát triển rau châu Á (AVRDC). Được đánh giá là giống triển vọng qua 3 vụ khảo nghiệm.

2. Những đặc tính chủ yếu

Khả năng chịu nhiệt tốt, dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn. Thời gian từ trồng đến kết thúc thu hoạch ở vụ đông từ 90-100 ngày, vụ xuân hè từ 65-80 ngày. Đặc biệt giống có thể trồng muộn trong vụ xuân hè do khả năng chịu nhiệt tốt. Quả sai, vụ đông có từ 24-27 quả/cây, vụ xuân hè 12-15 quả/cây. Khối lượng bình quân một quả 60-70gr ở vụ đông và 50-55gr ở vụ xuân hè.

Lá dạng lòng mo, chiều cao cây từ 1,0-1,4m. Năng suất vụ đông đạt 35-40 tấn/ha. Vụ xuân hè đạt 25-28 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng tốt ở các tỉnh đồng bằng, trung du Bắc bộ và Khu 4 cũ. Do khả năng chịu nhiệt nên có thể trồng muộn ở vụ xuân hè trong những giai đoạn khan hiếm rau.

Yêu cầu kỹ thuật: Mật độ trồng: luống rộng từ 1,3-1,5m tùy vụ. Cây cách cây 35-40cm, hàng cách hàng 60cm. Mật độ 3,2-3,5 vạn cây/ha.

Phân bón cho 1 ha: 20-25 tấn phân chuồng + (120-140)kg N + 100kg P_2O_5 + (130-150)kg K_2O.

8. GIỐNG CÀ CHUA XH2

1. Nguồn gốc

Do tác giả Vũ Thị Tình - Viện nghiên cứu rau quả Trung ương chọn lọc từ tập đoàn giống cà chua chịu nhiệt của Trung tâm phát triển rau châu Á (AVRDC). Được khảo nghiệm từ vụ xuân hè 1998, qua 3 vụ xác định là giống triển vọng.

2. Những đặc tính chủ yếu

Dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, khả năng chịu nhiệt tốt. Cây cao trung bình 1,2-1,4m, số quả một cây ở vụ đông từ 23-25 quả, vụ xuân hè từ 10-12 quả. Khối lượng bình quân một quả là 60-65g (vụ đông) và 40-45g vụ hè. Năng suất vụ đông đạt 35-40 tấn/ha, vụ xuân hè trồng muộn cũng có thể cho năng suất 18-20 tấn/ha. Chịu nóng tốt, khả năng kháng virus và sương mai ở mức trung bình.

Thời gian từ trồng tới kết thúc thu hoạch ở vụ đông là 80-100 ngày, vụ xuân hè từ 70-80 ngày.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo trồng tốt ở các tỉnh đồng bằng, trung du Bắc bộ và Khu 4 cũ. Do khả năng chịu nhiệt nên có thể

trồng muộn ở vụ xuân hè trong những giai đoạn khan hiếm rau.

Yêu cầu kỹ thuật: Mật độ trồng: Luống rộng từ 1,3-1,5m tùy vụ. Cây cách cây 35-40cm, hàng cách hàng 60cm. Mật độ 3,2-3,5 vạn cây/ha.

Phân bón cho 1 ha: 20-25 tấn phân chuồng + (120-140)kg N + 100kg P_2O_5 + (130-150)kg K_2O.

9. GIỐNG CÀ CHUA AN1

1. Nguồn gốc

Do tác giả Mai Thị Phương Anh - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn lọc từ tập đoàn cà chua của Trung tâm phát triển rau châu Á (AVRDC). Giống AN1 được phép khu vực hóa năm 1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Chống chịu virus và héo xanh khá, thời gian từ trồng đến kết thúc thu hoạch ở vụ xuân hè từ 70-80 ngày. Vụ xuân hè mỗi cây có từ 14-16 quả, khối lượng bình quân một quả từ 30-40gr. Năng suất vụ xuân hè đạt 15-20 tấn/ha, vụ đông đạt 30-35 tấn/ha, cây cao 1,2-1,4m. Dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Do khả năng chịu nhiệt khá nên có thể trồng ở thời vụ thu đông sớm và xuân muộn nhằm rút ngắn thời kỳ khan hiếm rau.

Qui trình kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc như giống XH1 và XH2.

10. GIỐNG CÀ CHUA AN2

1. Nguồn gốc

Do tác giả Mai Thị Phương Anh chọn lọc từ tập đoàn chịu nóng nhập từ Trung tâm rau châu Á (AVRDC) từ năm 1996. Được Hội đồng giống của Bộ cho phép khu vực hóa năm 1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Dạng hình sinh trưởng bán hữu hạn, cây cao 1,2-1,4m. Khả năng chịu nóng tốt, thích ứng cao trong vụ xuân hè. Tỷ lệ đậu quả cao, màu sắc quả chín đỏ, thịt quả dày, tỷ lệ chất khô dễ tan cao.

Vụ xuân hè năng suất đạt 20-25 tấn/ha, vụ đông đạt 30-35 tấn/ha. Mỗi cây có từ 22-25 quả ở vụ đông, 12-15 quả ở vụ xuân hè, khối lượng bình quân một quả 40-50g. Khả năng chống chịu héo xanh và virus tốt. Thời gian từ trồng đến thu hoạch trong vụ xuân hè từ 75-80 ngày. Cây cao trung bình, thân lá phát triển tốt, quả chín tương đối tập trung.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

AN2 là giống có khả năng chịu nhiệt tốt, sinh trưởng phát triển tốt ở vụ thu đông sớm và xuân hè muộn nên có khả năng rải vụ tốt.

Qui trình kỹ thuật gieo trồng và chăm sóc áp dụng như đối với giống XH1 và XH2.

11. CÀ CHUA LAI TAWAN 386

1. Nguồn gốc

Do Công ty TNHH TM Trang Nông tuyển chọn nhập từ Thái Lan.

2. Những đặc tính chủ yếu

Là giống lai F1 thuộc dạng hình sinh trưởng vô hạn, sinh trưởng và phân cành mạnh, chiều cao cây trung bình 120-130cm, dễ ra hoa kết quả trong điều kiện nóng ẩm. Bắt đầu cho thu hoạch 65-75 ngày sau khi trồng. Thời gian thu hoạch 40-45 ngày. Quả tròn hơi vuông, nhẵn, chia múi không rõ, quả màu đỏ đẹp, thịt dày, cứng dễ vận chuyển, khối lượng quả trung bình 90-100gr. Giống kháng bệnh héo tươi, nấm thối hạch, mốc sương... có thể trồng nhiều vụ trong năm trên đất đã trồng cà vụ trước.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phát triển tốt ở các tỉnh Lâm Đồng và vùng đồng bằng phía Nam. Thời vụ gieo từ tháng 9-1 và tháng 3-5. Ngâm ủ hạt nảy mầm gieo vào bầu đất, trồng cây con khi có 4-5 lá.

Mùa mưa trồng hàng cách hàng khoảng 1,2m, cây cách cây trên hàng 45-50cm, mật độ trồng 1.700-1.800 cây/1.000m^2.

Mùa nắng trồng hàng đôi cách hàng đôi 1,2-1,4m, hàng cách hàng của hàng đôi 50cm và cây cách cây trên hàng 50cm, mật độ trồng trung bình 2.100-2.300 cây/1.000m^2.

Phân bón: 100kg NPK 20-20-15 hoặc phân bón tương đương gồm 43kg DAP, 26kg urê và 30kg KCl. Bón lót: phân hữu cơ (phân chuồng): 2-4 tấn, vôi 50-100kg/1.000m^2. Bón thúc vào ngày thứ 7, 25, 45, 60, 75 sau khi trồng.

Tỉa cành hợp lý để tạo quả đồng đều, thông thoáng, phải làm giàn cố định để đỡ cây cà.

Có thể thu được từ 4-5kg quả/cây. Thích hợp cho chế biến xuất khẩu và ăn tươi rất ngon.

12. CÀ CHUA LAI TRANG NÔNG 52

1. Nguồn gốc

Do Công ty TNHH TM Trang Nông tuyển chọn nhập từ Ấn Độ.

2. Những đặc tính chủ yếu

Là giống lai F1 thuộc dạng hình sinh trưởng hữu hạn, thấp cây, chiều cao cây trung bình 70-80cm, giống dễ đậu quả trong vụ đông xuân và hè thu ở các tỉnh phía Nam. Thời gian bắt đầu thu hoạch từ 65-70 ngày sau khi trồng, thời gian thu hoạch 30-40 ngày. Quả hình tròn vuông, nhẵn, chia múi không rõ, quả màu đỏ đẹp, thịt dày cứng, dễ bảo quản và vận chuyển xa. Khối lượng quả trung bình 90-100gr. Giống kháng bệnh héo tươi, mốc sương, nấm hạch... có thể đạt từ 3-4kg quả/cây.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

(Tương tự cà chua 386).

13. GIỐNG CÀ CHUA LAI TN30

1. Nguồn gốc

Là giống lai F1 do Công ty Trang Nông đề nghị đưa vào sản xuất.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thuộc dạng hình sinh trưởng vô hạn, chiều cao cây trung bình 0,9-1m. Thời gian bắt đầu thu hoạch 80 ngày sau trồng. Quả hình tròn, khi chín màu đỏ tươi. Thịt quả dày, quả cứng, chất lượng ngon. Khối lượng quả 105-110gram.

Kháng sâu bệnh khá, năng suất quả 4-5 kg/cây.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể gieo trồng quanh năm ở cả miền Bắc và Nam.

Chú ý: Ngâm ủ hạt giống trước khi trồng, gieo bầu.

Cần tỉa bớt nhánh và quả để cho năng suất cao và đều quả, để 5-6 quả/chùm.

Cần cắm cọc, làm giàn cho cây leo.

14. GIỐNG CÀ CHUA LAI TN24

1. Nguồn gốc

Là cây lai F1 do Công ty Trang Nông đề nghị đưa vào sản xuất.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thuộc dạng hình hữu hạn. Cây thấp trung bình 65-70cm. Thời gian bắt đầu thu hoạch 75 ngày sau trồng.

Quả tròn vuông, khi chín màu đỏ tươi, thịt quả dày chắc vỏ quả cứng, quả có độ đồng đều cao.

Khối lượng quả trung bình 70-75gram. Chống chịu sâu bệnh khá. Năng suất bình quân 3-4kg/cây.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Như giống TN30.

15. GIỐNG CÀ CHUA LAI TN19

1. Nguồn gốc

Là giống lai F1 do Công ty Trang Nông đề nghị đưa vào sản xuất.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thuộc dạng hình hữu hạn. Cây thấp trung bình 70-75cm. Thời gian bắt đầu thu hoạch trung bình 75 ngày. Quả tròn vuông, chín màu đỏ đẹp, thịt quả dày, chắc ruột, quả cứng, độ đồng đều cao, chất lượng ngon. Khối lượng quả bình quân 75-85gram.

Kháng sâu bệnh khá. Năng suất 3-4kg quả/cây.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Như với 2 loại trên.

16. CÀ CHUA RED CROWN 250

1. Nguồn gốc

Do Công ty giống cây trồng miền Nam nhập từ Đài Loan.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thuộc dạng hình sinh trưởng vô hạn, sinh trưởng mạnh, phân cành mạnh. Có thể trồng nhiều vụ.

Dễ ra hoa kết quả trong điều kiện nóng ẩm.

Bắt đầu cho thu hoạch 60-65 ngày sau khi trồng, thời gian thu hoạch 40-45 ngày.

Quả tròn hơi thuôn, nhẵn, chia múi không rõ, quả màu đỏ đẹp, khối lượng quả 70-80 gram. Thịt dày, ít hạt, quả cứng chịu vận chuyển.

Chống chịu bệnh héo tươi và thối hạch.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Phát triển tốt ở vùng đồng bằng phía Nam.

Thời vụ gieo tháng 10-1 và tháng 5-7.

Trồng cây con khi 4-6 lá, trồng hàng đơn khoảng cách 1,2-1,4m. Cây cách cây 40-50cm. Mật độ trồng 17.000-20.000 cây/ha.

Phân bón 200kg N, 180kg lân, 150kg kali + 20 tấn phân chuồng + 1 tấn vôi/ha. Bón thúc vào 7, 25, 45 ngày sau trồng và bón nuôi quả sau khi thu hoạch lứa đầu.

Phải làm giàn, tỉa cành hợp lý cho thoáng cây.

VIII. CÁC GIỐNG DƯA CHUỘT

1. GIỐNG DƯA CHUỘT LAI PC1

1. Nguồn gốc

Giống dưa chuột PC1 do GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, TS. Đào Xuân Thắng và cộng tác viên Viện cây lương thực và cây thực phẩm lai tạo. Được Hội đồng khoa học công nghệ Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép khu vực hóa đầu năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Dưa chuột PC1 sinh trưởng ngắn ngày (85-90 ngày) thu quả sớm (sau mọc 35-40 ngày), sinh trưởng khỏe, năng suất cao (35-40 tấn/ha), quả nhỏ (kích thứpc 9×3,2cm, trọng lượng 100-110gram/quả), cùi dày (1,2cm), thích hợp chế biến xuất khẩu và bảo quản, kéo dài thời gian tiêu dùng trong nước. Thu non có thể chế biến thành dưa bao tử, sau thu hoạch quả ít bị vàng.

Dưa chuột PC1 phẩm chất tốt hơn các giống địa phương, ăn tươi khẩu vị giòn thơm, chống chịu khá với các bệnh nguy hiểm như: sương mai, phấn trắng, héo rũ.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống dưa chuột PC1 có thể trồng được cả 2 vụ xuân hè và thu đông đều cho năng suất cao.

Xuân hè gieo 20-25/2.

Thu đông gieo 25/9-1/10.

Dưa chuột PC1 chủ yếu trồng để làm nguyên liệu chế biến xuất khẩu.

2. GIỐNG DƯA CHUỘT LAI SAO XANH 1

1. Nguồn gốc

Giống dưa chuột Sao xanh 1 do GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, KS. Đỗ Thị Dung và các cộng tác viên. Viện cây lương thực và cây thực phẩm lai tạo từ 1994-1996. Sao xanh 1 được trồng thử ở một số tỉnh đồng bằng Bắc bộ

có kết quả tốt, có nhiều triển vọng. Được phép khảo nghiệm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sao xanh 1 sinh trưởng ngắn ngày (85-90 ngày). Thời gian thu quả kéo dài 45-50 ngày, sinh trưởng khỏe, thân mập, lá xanh đậm, quả to (dài 23 ± 5cm, đường kính quả 3,5-4,0cm). Trọng lượng bình quân 200gram/quả, quả dày cùi (1,3cm) ít bị vàng sau thu hoạch, quả có phẩm chất tốt, giòn, thơm được người tiêu dùng ưa thích. Năng suất cao bình quân 35-40 tấn/ha. Sao xanh 1 chống chịu khá với bệnh nguy hiểm: sương mai, phấn trắng, héo rũ, virus.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Sao xanh 1 có thể trồng cả 2 vụ xuân hè và thu đông trong năm, cũng có thể làm salat quả hoặc xuất khẩu quả tươi.

Sao xanh 1 có thể trồng cả 2 thời vụ xuân hè và thu đông trong năm.

IX. CÁC GIỐNG DƯA HẤU

1. GIỐNG DƯA HẤU LAI AN TIÊM 98

(Hybrid Watermelon AN TIEM 98)

1. Nguồn gốc

Giống An Tiêm 98 do Công ty Giống cây trồng miền Nam lai tạo.

2. Những đặc tính chủ yếu

Tăng trưởng mạnh, chống chịu bệnh tốt, nhất là bệnh thán thư (do nấm *Colletotrichum lagenarium).* Thích nghi rộng, trồng được nhiều vụ trên nhiều vùng đất khác nhau. Rất dễ ra hoa đậu quả, thu hoạch 60-65 ngày sau khi trồng. Quả to tròn, nặng 7-9kg, vỏ xanh có sọc đậm, ruột đỏ, rất ngon ngọt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo hạt vào bầu 5-10 ngày sau đem trồng. Luống đôi rộng 5m trồng 2 hàng, cây cách cây 40-50cm. Bắt đầu lấy quả (thụ phấn) từ bông cái thứ hai, lá thứ 12-16 trên dây chánh, mỗi dây để một quả. Mật độ trồng 8.000-10.000 cây/ha. Lượng hạt giống gieo 500 gam/ha. Lượng phân bón 1 ha cả vụ gồm 800kg NPK (16-16-8), 50kg urê và 50kg KCl; 50% bón lót và thúc cây con, 50% bón nuôi quả, chia ra nhiều đợt. Phân bón lá SUPERMES rất thích hợp cho sinh trưởng của cây dưa hấu.

Chú ý phòng trị bọ trĩ, rầy mềm để ngừa bệnh chùn đọt do virus và phun thuốc phòng định kỳ các bệnh héo chết cây con (do nấm *Fusarium oxysporum, Pythium sp., Rhizoctonia solani),* héo xanh vi khuẩn, và sương mai (do nấm *Phytophthora melonis).*

2. GIỐNG DƯA HẤU LAI AN TIÊM 100

(Hybrid Watermelon AN TIEM 100)

1. Nguồn gốc

Giống An Tiêm 100 do Công ty Giống cây trồng miền Nam lai tạo từ 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Tăng trưởng mạnh, chống chịu tốt bệnh đốm lá gốc do nấm *Mycosphaerella melonis* và bệnh sương mai do nấm *Phytophthora melonis*. Thích nghi rộng, trồng được nhiều vụ trên nhiều vùng đất khác nhau. Dễ ra hoa đậu quả, quả tròn, nặng 3-4kg, vỏ xanh có sọc đậm, ruột màu vàng tươi, rất ngon ngọt. Thu hoạch 60-65 ngày sau khi trồng.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Gieo hạt vào bầu, 5-7 ngày sau đem trồng. Luống đôi rộng 5m, trồng 2 hàng, cây cách cây 40-50cm. Bắt đầu để quả (thụ phấn) từ bông cái thứ hai, lá thứ 12-16 trên dây nhánh. Mỗi dây để một quả. Mật độ trồng 8.000-10.000 cây/ha. Lượng hạt giống cần 0,5kg/ha. Lượng phân bón cho 1 ha được khuyến cáo là: 800kg NPK (16-16-8) + 50kg urê + 50kg KCl, chia ra 50% bón lót và thúc cây con, 50% bón nuôi quả, chia ra nhiều đợt. Phân bón lá SUPERMES rất thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của cây dưa hấu.

Chú ý phòng trị bọ trĩ, rầy mềm để ngừa bệnh chùn đọt do virus và phun thuốc phòng định kỳ các bệnh héo chết cây con (do nấm *Fusarium oxysporum, Pythium sp., Rhizoctonia solani),* héo xanh vi khuẩn, và thán thư (do nấm *Colletotricum lagenarium).*

3. GIỐNG DƯA HẤU LAI HỒNG LƯƠNG

1. Nguồn gốc

Do Công ty TNHH TM Trang Nông tuyển chọn và nhập từ Đài Loan.

2. Những đặc tính chủ yếu

Là giống lai F1 có sức phát triển mạnh, giống rất được nông dân các tỉnh miền Trung và miền Nam ưa chuộng.

Thời gian sinh trưởng ở các tỉnh phía Nam 60-70 ngày. Ở các tỉnh miền Trung: vụ hè thu 58-65 ngày, đông xuân trên 75 ngày.

Dạng quả tròn, cao, vỏ màu xanh nhạt, có sọc màu xanh đậm, vỏ dày, ruột màu đỏ tươi, chắc thịt, độ đường cao, ngon ngọt, thích hợp để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trọng lượng quả trung bình 5-7kg, năng suất có thể đạt 40-45 tấn/ha. Giống kháng bệnh tốt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Các tỉnh phía Nam có thể trồng quanh năm, tuy nhiên vào mùa mưa nên trồng nơi đất cao, thoát nước tốt (như vùng miền Đông Nam bộ), nên tránh gieo trồng vào thời điểm lúc trổ hoa kết quả rơi vào thời tiết mưa dầm (mưa nhiều). Các tỉnh miền Trung gieo từ tháng 11 đến tháng 7 năm sau.

Ngâm ủ hạt giống nảy mầm, gieo vào bầu đất hay gieo thẳng ngoài đồng. Có thể trồng dưa trải bạt (plastic) hoặc không. Tuy nhiên, trồng dưa hấu có trải

sông Cửu Long, miền Đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian sinh trưởng tại các tỉnh phía Nam: 58-62 ngày. Dạng lá nhỏ, đứng. Dạng quả tròn, tròn cạo, vỏ màu xanh nhạt, sọc thưa màu xanh đậm trung bình, vỏ mỏng, ruột chắc màu vàng đậm. Chất lượng giòn, thơm ngon, rất ngọt, thích hợp để tiêu thụ trong nước. Trọng lượng quả trung bình 3,5-4kg, năng suất trung bình 25-32 tấn/ha. Giống kháng bệnh khá tốt.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thời vụ: Các tỉnh phía Nam có thể trồng quanh năm, tuy nhiên nên tránh gieo trồng vào thời điểm trổ hoa kết quả rơi vào thời tiết mưa dầm (mưa nhiều).

Ngâm ủ hạt giống nảy mầm, gieo vào bầu đất hay gieo thẳng ngoài đồng. Có thể trồng dưa trải bạt (plastic) hoặc không. Tuy nhiên, trồng dưa có trải bạt năng suất sẽ cao hơn nhiều.

Khoảng cách trồng trung bình như sau:

+ Có trải bạt: Hàng đôi cách hàng đôi 4,5-5m, cây cách cây trên hàng 40cm, mật độ trồng trung bình 1.000-1.100 cây/1.000m^2.

+ Không trải bạt: Hàng đôi cách hàng đôi 5-5,5cm, cây cách cây trên hàng 40cm, mật độ trung bình 800-900cây/1.000m^2.

Lượng phân bón trung bình cho 1 ha gồm: Phân hữu cơ 10-20 tấn, vôi 500-1000kg, NPK 20-20-15: 1000-1200kg. Cách bón có trải hạt: bón vôi 100% trước bón lót 10 ngày, bón lót: 100% phân hữu cơ, 40% NPK, bón thúc đợt 1 (20-25 ngày SKG) 40% NPK và bón thúc đợt

2 (35-40 ngày SKG): lượng phân còn lại (20% NPK). Trồng dưa không trải bạt: bón 100% vôi trước bón lót 10 ngày, bón 100% phân hữu cơ, bón thúc cơ bản như trên nhưng chia làm nhiều đợt bón hơn, kết hợp làm cỏ vun gốc, có kết hợp ngâm phân.pha tưới cho dưa hấu.

Phòng bệnh sương mai, nứt thân.

Phòng trừ sâu vẽ bùa, bọ trĩ, sâu ăn tạp.

X. CÁC GIỐNG KHOAI TÂY

1. GIỐNG KHOAI TÂY THƯỜNG TÍN

1. Nguồn gốc

Giống khoai tây Thường Tín nguyên gốc là giống Ackersegen của Đức sang Pháp và nhập vào Việt Nam từ những năm cuối thế kỷ 19. Tuy là giống đã thoái hóa, song do nông dân đã có tập quán trồng và sử dụng, cũng như chưa có đủ giống mới thay thế nên hiện tại giống này vẫn còn phổ biến trong sản xuất.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân nhỏ, dễ đổ ngã, lá nhỏ màu xanh đậm. Tia củ trung bình, dạng củ thuôn dẹt, vỏ củ mỏng, mắt củ hơi sâu, số củ/bụi tương đối nhiều, kích thước củ nhỏ và có nhiều củ bi. Mầm nhỏ, thân màu xanh, số mầm trên củ nhiều; thời gian mầm ngủ trung bình 3,5-4 tháng, mầm phát triển nhanh sau bảo quản, củ giống bị teo nhiều.

mập, thân mầm màu nâu, mầm dễ bị rụng rời khỏi củ. Số mầm/củ rất ít, thường mỗi củ chỉ có một mầm. Thời gian mầm ngủ trung bình 3,5-4 tháng. Thời gian bảo quản giống ít bị mất nước nên củ giống vẫn tươi.

Thời gian sinh trưởng (ngày), vụ xuân 100-110, vụ đông 95-105.

Màu vỏ củ nâu nhạt, ruột củ vàng rất nhạt. Khẩu vị ăn ngon trung bình. Năng suất củ (tấn/ha): trung bình 16-18; thâm canh tốt có thể đạt 23-25.

Chịu hạn và nóng trung bình, chịu rét khá. Chống chịu mốc sương khá, chống chịu virus tốt, chống chịu vi khuẩn tương đối khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố thích hợp, thời vụ, kỹ thuật trồng và chăm sóc tương tự như giống Lipsi.

Lưu ý: Để tăng năng suất và tăng số củ/bụi cần áp dụng biện pháp loại bỏ toàn bộ mầm củ trước khi trồng khoảng 1,5 đến 2 tháng, tạo mầm mới trẻ và khoẻ hơn.

3. GIỐNG KHOAI TÂY LIPSI

1. Nguồn gốc

Lipsi là giống nhập nội từ Đức. Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Trung ương bắt đầu khảo nghiệm từ năm 1985 và đề nghị mở rộng ra sản xuất đại trà. Được công nhận giống mới tháng 10/1990.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân cao, lá nhỏ màu xanh đậm, lá ngọn hơi chùn xoăn màu xanh nhạt. Củ tròn đều, tia củ hơi dài, số

củ/bụi tương đối nhiều. Mắt củ nâu. Số mầm/củ trung bình, thân mầm màu hồng. Thời gian mầm ngủ trung bình (hơn 3 tháng rưỡi).

Thời gian sinh trưởng (ngày): Vụ xuân 110-120, vụ đông 100-110. Màu vỏ củ nâu nhạt, màu ruột củ vàng nhạt. Khẩu vụ ăn ngon, đậm, bở trung bình.

Năng suất củ (tấn/ha): Trung bình 18-20, thâm canh tốt 25-28.

Chịu hạn và chịu rét khá. Chống chịu mốc sương và virus tương đối tốt. Chống chịu vi khuẩn yếu.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố thích hợp: Miền núi phía Bắc và đồng bằng Bắc bộ, trên chân đất nhẹ, giàu dinh dưỡng, luân canh với lúa nước.

Vụ và thời vụ trồng thích hợp:

+ Đồng bằng và trung du: Vụ đông giữa tháng 10 đến đầu tháng 11 thu hoạch cuối tháng giêng. Vụ xuân trồng đầu tháng giêng, thu hoạch đầu tháng 4.

+ Miền núi: Vụ đông trồng từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10, thu hoạch cuối tháng 12 dương lịch. Vụ xuân trồng tháng giêng đến đầu tháng 2, thu hoạch cuối tháng 4 đến đầu tháng 5.

Mật độ 5-5,5 vạn hốc/ha. Khoảng cách hàng kép 30cm × (22-25cm); hàng đơn 75cm × (22-25cm). Sau khi đặt củ lấp một lớp đất nhỏ lên trên mầm 4-6cm. Đảm bảo đất đủ ẩm để cây chóng mọc lên khỏi mặt đất.

Phân bón cho 1 ha: Phân chuồng (mục) 20-25 tấn, đạm urê 250-300kg, supe lân 300-350kg; kali sunfat 250-300kg.

Bón lót toàn bộ phân chuồng, phân lân, phân kali và 1/2 lượng đạm. Bón thúc 1/2 lượng đạm còn lại vào thời kỳ xới vun thứ nhất.

Lưu ý: Không trồng trên đất vụ trước đã trồng khoai tây hoặc những cây có cùng loại bệnh (cà chua, thuốc lá, thuốc lào...).

Không dùng phân hữu cơ chưa hoai mục để bón, vì khoai tây dễ bị bệnh vi khuẩn.

Đảm bảo đủ ẩm ngay sau khi trồng. Tưới ngâm đậm vào thời kỳ hình thành và phình to củ. Giảm dần độ ẩm tới mức thấp nhất vào giai đoạn thu hoạch. Đối với ruộng giống cần cắt toàn bộ thân lá trước thu hoạch khoảng một tuần. Thu hoạch vào ngày khô ráo. Củ

4. GIỐNG KHOAI TÂY VC38-6

1. Nguồn gốc

VC38-6 là giống lai được nhập nội từ Trung tâm khoai tây quốc tế ở vùng Đông Nam châu Á (CIP). Được thuần hóa ở nước ta từ năm 1983.

Cơ quan nhập vào khảo nghiệm: Trung tâm nghiên cứu khoai tây - rau. Là giống triển vọng, được khảo nghiệm quốc gia từ năm 1989.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân cao to, lá xanh đậm, sinh trưởng phát triển khỏe, ra hoa đậu quả ở cả miền núi và đồng bằng, độ đồng đều cao. Tia củ dài, dạng củ thuôn, mắt củ nông có màu hồng nhạt, số củ/bụi nhiều, phần lớn là củ vừa và nhỏ. Mầm nhỏ, thân màu hồng, số mầm/củ tương đối nhiều, mầm phát triển nhanh. Thời gian mầm ngủ rất ngắn (nảy mầm sau thu hoạch 55-60 ngày). Sau bảo quản củ giống bị mất nước nhiều.

Thời gian sinh trưởng vụ đông 105-115 ngày. Năng suất củ trung bình 18-20 tấn/ha; thâm canh tốt có thể đạt 23-25 tấn/ha.

Màu vỏ củ và ruột củ trắng sữa. Phẩm chất khá, khẩu vụ ăn tương đối ngon.

Chống chịu điều kiện bất lợi (hạn, nóng, rét...) tương đối tốt. Chống chịu mốc sương tốt, chống chịu virus khá, chống chịu vi khuẩn trung bình yếu (nhạy cảm với vi khuẩn héo xanh).

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Vùng phân bố, thời vụ, kỹ thuật trồng và chăm sóc tương tự như đã giới thiệu đối với giống Lipsi.

5. GIỐNG KHOAI TÂY KT-2

1. Nguồn gốc

Giống khoai tây KT-2 được chọn từ tổ hợp lai giữa dòng 381064 với giống khoai tây chịu nhiệt LT-7 do Trung tâm Cây có củ (Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam) tiến hành từ năm 1986 đến nay.

KT-2 được công nhận là giống khoai tây mới từ tháng 1/1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống KT-2 có thời gian sinh trưởng ngắn (75-80 ngày) ngắn hơn các giống đang trồng phổ biến trong sản xuất từ 10-15 ngày. Trong điều kiện thu hoạch sớm (55-60 ngày sau trồng) giống KT-2 đã có thể cho năng suất 15-17 tấn củ/ha.

Giống KT-2 thích hợp trồng trong vụ đông sớm và đông chính vụ giữa 2 vụ lúa, đặc biệt trong vụ đông sớm giống KT-2 cho năng suất hơn hẳn các giống khoai tây khác trong cùng điều kiện. Củ khoai tây KT-2 có phẩm chất khá. Dạng củ đẹp hình tròn elip, vỏ củ màu vàng đậm, ruột củ màu vàng, mắt củ nông, tỷ lệ củ to cao, mức độ nhiễm virus chậm, khả năng chống chịu bệnh mốc sương khá, trong bảo quản tỷ lệ củ thối thấp.

Giống khoai tây KT-2 có thời gian ngủ nghỉ ngắn (khoảng 80-85 ngày), củ giống nảy mầm sớm sẽ già sinh lý, nếu sản xuất giống và giữ giống theo tập quán cũ sẽ chóng thoái hóa làm năng suất giảm nhanh chóng.

Khả năng chống chịu bệnh vi khuẩn còn yếu, tỷ lệ cây bị nhiễm khuẩn trên đồng ruộng còn khá cao.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Để đảm bảo năng suất phẩm chất và hạn chế bệnh, nên dùng củ giống sản xuất trong vụ xuân cho vụ đông.

Bón phân chuồng hoai mục và bón lót là chủ yếu, bón thúc sớm.

Trong vụ xuân cần chọn chân đất cao dễ tiêu thoát nước, đất có thành phần cơ giới nhẹ giàu dinh dưỡng.

6. GIỐNG KHOAI TÂY RASANT

1. Nguồn gốc

Giống của Đức, nhập từ vụ xuân 1995.

Cơ quan nhập và khảo nghiệm: Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống cây trồng TW. Đã được khu vực hóa tháng 1/1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng khỏe, thân cao. Củ dạng quả xoan, vỏ hồng nhạt ruột vàng, mắt rất nông, ăn ngon. Có tiềm năng năng suất cao trong vụ xuân, có nơi đạt trên 30 tấn/ha.

Củ giống ít hao hụt về số củ nhưng bị hao hụt nhiều về khối lượng trong quá trình bảo quản bằng kho tán xạ.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống chất lượng cao cho vùng thâm canh.

Nhập và nhân giống trong vụ xuân, bảo quản giống bằng kho lạnh.

7. GIỐNG KHOAI TÂY KARSTA

1. Nguồn gốc

Giống của Đức, nhập từ vụ xuân 1995.

Cơ quan nhập và khảo nghiệm: Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống cây trồng TW. Đã được khu vực hóa tháng 1/1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng khá. Củ dạng tròn đều, vỏ và ruột màu vàng, mắt rất nông, ăn ngon. Năng suất cao 20-25 tấn/ha.

Ít sâu bệnh, hao hụt ít trong bảo quản giống.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Như với giống Rasant.

8. GIỐNG KHOAI TÂY PROVENTO

1. Nguồn gốc

Provento là giống khoai tây nhập từ Hà Lan. Viện Cây lương thực và cây thực phẩm đăng ký khảo nghiệm đã được khu vực hóa ở phía Bắc năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống Provento sinh trưởng trung bình, nhiễm mốc sương trung bình, tỷ lệ nhiễm virus 1,1%, nhiễm vi khuẩn 1,6%. Củ tròn đều, mắt nông, vỏ củ vàng, ruột vàng nhạt. Số củ/khóm: 14,5, khối lượng củ/khóm: 370g, củ vừa phải tương đối đều. Năng suất khá cao: 18,3 tấn/ha. Thời gian ngủ nghỉ: 100 ngày. Sau 1 chu kỳ lưu giữ ở kho tán xạ có tỷ lệ hao hụt số củ là 7,5% và hao hụt khối lượng là 26,6%. Độ teo củ trung bình.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Provento là giống tốt có triển vọng phát triển ở phía Bắc, hao hụt trong bảo quản ít, cần thâm canh.

9. GIỐNG KHOAI TÂY MONDIAL

1. Nguồn gốc

Giống khoai tây Mondial được nhập từ Hà Lan. Viện Cây lương thực và cây thực phẩm đăng lý khảo nghiệm quốc gia.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống Mondial sinh trưởng khá, chống mốc sương trung bình, nhiễm virus 1,2%, nhiễm vi khuẩn 2,3%. Củ hình quả xoan, vỏ củ vàng, ruột vàng nhạt. Số củ/khóm: 9, khối lượng củ/khóm: 400g.

Khối lượng bình quân 1 củ: 44,3g, tỷ lệ củ to (đường kính > 50mm) là 55%, củ có đường kính: 30-50mm là 41%, năng suất bình quân 20 tấn/ha.

Thời gian ngủ nghỉ: 100 ngày. Hao hụt số củ sau

ở phía Bắc, chú ý báo quán tốt để giảm hao hụt.

(20,5 tấn/ha), mắt nơi sâu. Thời gian ngủ ngắn. ... ngày, tỷ lệ hao hụt số củ sau một chu kỳ bảo quản ở kho tán xạ là 10% và hao hụt khối lượng là 28,6%.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

KT3 là một giống khoai tây có triển vọng, phát triển ở các tỉnh phía Bắc, chú ý đầu tư thâm canh.

11. GIỐNG KHOAI TÂY HẠT LAI HỒNG HÀ 2 VÀ HỒNG HÀ 7

1. Nguồn gốc

Giống của Ấn Độ, được chọn ra từ hàng chục tổ hợp khoai tây hạt lai của Trung tâm khoai tây quốc tế (CIP). Hồng Hà 2 có tên gốc là HPS II/67, Hồng Hà 7 là HPS 7/67. Đã được công nhận là tiến bộ kỹ thuật từ tháng 1/1998.

Cơ quan khảo nghiệm và đề nghị: Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

2. Những đặc tính chủ yếu

Hồng Hà 2: Sinh trưởng khỏe, ít nhiễm bệnh mốc sương và các bệnh khác. Củ tròn, mắt hơi sâu, vỏ và

ruột củ màu vàng (độ đồng đều trên 80%), ăn ngon. Năng suất đời G_o từ 11-15 tấn/ha (80-85 ngày), tỷ lệ củ thương phẩm 20-30%. Năng suất đời G_1 từ 20-30 tấn/ha (85-90 ngày), tỷ lệ củ thương phẩm 60-70%.

Hồng Hà 7: Sinh trưởng rất khỏe, ít nhiễm bệnh mốc sương và các bệnh khác. Củ tròn, mắt hơi sâu, vỏ và ruột của màu vàng (độ đồng đều trên 80%), chất lượng khá. Năng suất đời G_o từ 12-15 tấn/ha (85-90 ngày). Năng suất đời G_1 từ 20-23 tấn/ha (90-95 ngày), tỷ lệ củ thương phẩm 50-60%.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Trồng cây con từ hạt vụ đầu (G_o) để thu củ giống. Vụ thứ hai (G_1) trồng củ giống để thu khoai thịt. Chỉ nên sử dụng củ giống thêm một vụ nữa.

Trồng để sản xuất củ giống tốt nhất trong vụ đông xuân, từ tháng 12 đến tháng 3. Củ giống khoai tây hạt cỡ nhỏ (5-10gram) bảo quản trong kho lạnh có hiệu quả kinh tế cao.

Thích hợp với nền thâm canh cao. Bón phân tập trung và bón thúc sớm.

XI. CÁC GIỐNG KHOAI LANG

1. GIỐNG KHOAI LANG HOÀNG LONG

1. Nguồn gốc

Là giống nhập nội của Trung Quốc hiện đang trồng phổ biến ở nhiều nơi trên miền Bắc.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thuộc loại hình dây dài trung bình, thân màu tím đỏ, lá già xanh tím, gân lá tím, mặt dưới lá tím, lá hình tim. Thời gian sinh trưởng ngắn, vụ đông 100 ngày, vụ xuân 120 ngày. Năng suất bình quân 8-10 tấn/ha, cao 15 tấn/ha. Vỏ củ hồng nhạt, ruột vàng đậm, bở trung bình, độ ngọt khá. Khả năng chịu hạn rét kém, dễ sùng hà.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

- Thích hợp vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ, trên các loại đất cát pha. Thời vụ trồng cuối tháng 9-5/10, vụ xuân tháng 1 đến đầu tháng 2. Mật độ 4-5 vạn dây/ha, đặt dây kiểu dọc luống.

- Phân bón 8-10 tấn phân chuồng/ha, 60kg N + 30kg P_2O_5 + 90kg K_2O. Bón lót 100% phân chuồng + 100% P_2O_5 + 1/2 N + 1/2 K_2O.

Bón thúc sớm cùng với làm cỏ đợt 1 sau trồng 15-25 ngày, thúc toàn bộ số phân còn lại. Làm cỏ đợt 2 sau đợt 1: 10-15 ngày.

Lưu ý: Vụ xuân vun luống cao tránh sùng hà.

2. GIỐNG KHOAI LANG V15-70 (K4)

1. Nguồn gốc

Tác giả: Mai Thạch Hoành và các cộng tác viên bộ môn Cây có củ Viện cây lương thực.

Là giống lai tự nhiên trong tập đoàn nhập từ Philippin, giống đã được Hội đồng giống Bộ Nông nghiệp và CNTP công nhận năm 1993.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân ngắn, màu xanh, đốt ngắn có phớt tím, lá hình tim khía nông màu xanh, lá ngọn tím sẫm, thân lá sinh trưởng mạnh, phủ luống sớm. Năng suất thân lá cao. Thời gian sinh trưởng vụ đông 90-100 ngày, vụ xuân 100-120 ngày. Năng suất bình quân 12-15 tấn/ha, trong điều kiện thâm canh có thể đạt 20 tấn/ha. Vỏ củ trắng ngà gốc có phớt tím, ruột củ trắng ngà, bở thơm có vị đậm ăn ngon.

Khả năng chống chịu hạn, rét khá.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

- Thích hợp vùng đất cát pha ở đồng bằng và trung du. Thời vụ trong vụ đông cuối tháng 9-15/10, vụ xuân cuối tháng 1 đến đầu tháng 2.

- Kỹ thuật trồng và chăm sóc như giống Hoàng Long.

Lưu ý: Vụ đông cần tưới vào sau trồng và lúc củ phình to.

3. GIỐNG KHOAI LANG VX-37

1. Nguồn gốc

VX-37 được tuyển chọn từ tập đoàn nhập nội từ Đài Loan của các tác giả KS. Bùi Thị Tuyết Mai, TS. Trần Đình Long, KS. Nguyễn Thục Nhàn, G.A. Liakhovkin thuộc Trung tâm giống cây trồng Việt Nam. Được công nhận năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân tím, đốt ngắn phân nhánh nhiều, lá xanh, gân lá tím, lá xẻ thuỳ nông. Củ màu hồng nhạt, ruột vàng nhạt, bở, ăn ngon. Củ hình thành sớm 15-20/ngày sau trồng, tích lũy nhanh, thời gian sinh trưởng ngắn 90 ngày thích hợp với vụ thu đông và đông sớm. Khả năng chịu nóng khá, chịu rét kém. Năng suất bình quân 10-15 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống VX-37 thích hợp trên chân đất 2 vụ lúa 1 vụ màu hoặc 2 màu 1 lúa. Thời vụ trồng cuối tháng 8 đầu tháng 9 đến 5/10. Vụ xuân cuối tháng 1 đến đầu tháng 3.

Kỹ thuật trồng và chăm sóc tương tự Hoàng Long. Lưu ý giống VX-37 có thời gian sinh trưởng ngắn, củ hình thành sớm nên chú ý bón lót thêm phân hóa học, bón thúc sớm.

4. GIỐNG CỰC NHANH

1. Nguồn gốc

Tác giả: Trung tâm Cây có củ - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tuyển chọn.

Là giống nhập nội từ Trung Quốc năm 1980 và được phát triển rộng rãi ở Tĩnh Gia (Thanh Hóa). Giống được công nhận đưa vào sản xuất ở miền Bắc năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống có thân ngắn, đốt ngắn, phân nhánh khoẻ, thân màu xanh đậm, lá xẻ thuỳ chân vịt, màu xanh, ngọn xanh. Củ màu trắng ngà, ruột trắng ngà, bở, thơm, phẩm chất ngon.

Giống có thời gian sinh trưởng ngắn 90-100 ngày vụ đông, 100-110 ngày vụ xuân.

Giống cực nhanh có thể trồng được quanh năm, khả năng chịu rét, chịu hạn khá. Năng suất bình quân 12-15 tấn/ha, tỷ lệ củ thương phẩm cao.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống thích hợp với chân đất nhẹ, vụ đông trồng cuối tháng 9 đầu tháng 10, vụ xuân tháng 1 đầu tháng 2. Kỹ thuật trồng và chăm sóc giống như Hoàng Long.

Lưu ý: Cần bón thúc sớm và tập trung.

5. GIỐNG KHOAI LANG 143

1. Nguồn gốc

Tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, KS. Trần Nguyên Tiến và tập thể tác giả bộ môn cây có củ Viện Cây lương thực và cây thực phẩm, chọn dòng vô tính từ tổ hợp lai CN 1510-25 × Xushu 18. Được công nhận giống năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng mạnh, thân lá phát triển sớm, năng suất chất xanh cao. Thân màu xanh sẫm, lá to hình tim, phiến lá mỏng, dây dài phân nhánh ít.

Củ màu hồng nhạt, ruột vàng, dạng củ thuôn dài, ăn ngon, bở. Khả năng chịu rét khá, tỷ lệ củ thương phẩm cao. Tiềm năng năng suất cao 18-23 tấn/ha.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

- Trồng ở đất cát pha, chân đất 3 vụ/năm ở đồng bằng và trung du Bắc bộ, có thể trồng lấy thân lá cho gia súc.
- Kỹ thuật trồng như các giống khác.

Chú ý: Bấm ngọn sớm để tăng số nhánh.

6. GIỐNG KHOAI LANG HL4

1. Nguồn gốc

Tác giả: KS. Nguyễn Thị Thuỷ, TS. Hoàng Kim.

Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam. Bắt đầu chọn tạo năm 1981, được công nhận là giống mới năm 1987.

Giống khoai lang HL4 là giống được chọn lọc từ tổ hợp lai: (Gạo × Bí Đà Lạt) × Tai Nung 57.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân chính dài trung bình 110cm, màu xanh. Lá xanh thẫm, phân thuỳ 3-5 khía nông, gân trên màu xanh, gân dưới màu tím. Thời gian sinh trưởng vụ xuân 85-90 ngày, hè thu và thu đông 90-95 ngày, vụ đông 80-90 ngày. Năng suất trung bình 17,4 tấn/ha, thâm canh tốt có thể đạt trên 23 tấn/ha. Vỏ củ màu đỏ, ruột màu cam đậm, tỷ lệ chất khô trung bình 30,4%.

Trung gian giữa nhóm khoai dẻo và khoai bột. Củ to vừa phải, thuôn, láng thích hợp với bán tươi.

Thích ứng rộng. Chịu hạn khá, ít nhiễm sâu đục thân, nhiễm nhẹ đến trung bình đối với sùng đục củ (Cylasformicariu).

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với đất xám trên phù sa cổ, đất đỏ bazan, vùng Đông Nam bộ và Nam Tây Nguyên. Có thể trồng nhiều vụ trong năm nếu đủ nước tưới.

Vụ hè thu: Trồng cuối tháng 4 đầu tháng 5, thu hoạch cuối tháng 7 đầu tháng 8. Vụ thu đông: trồng cuối tháng 7 đầu tháng 8 thu hoạch cuối tháng 10 đầu tháng 11. Vụ đông xuân (sau vụ lúa, trên đất đồi thấp): trồng giữa tháng 11 đến giữa tháng 12.

Kỹ thuật trồng: Luống rộng 1,2m, mật độ 4,8-5 vạn dây/ha. Đặt dây phẳng dọc luống.

Phân bón cho 1 ha:

+ Đầu tư thấp: 40N + 40 P_2O_5 + 80 K_2O

+ Đầu tư trung bình: 5 tấn phân chuồng + 60 N + 60 P_2O_5 + 120 K_2O.

Bón lót toàn bộ phân chuồng và phân lân. Thúc lần 1 (15 ngày sau khi trồng) 2/3 phân đạm + 1/3 kali kết hợp làm cỏ đợt 1. Thúc lần 2 (35 ngày sau trồng) 1/3 đạm + 2/3 kali kết hợp làm cỏ đợt 2.

Lưu ý: Nhấc dây (65 ngày sau trồng) kết hợp đặt bẫy sùng (nếu có). Ở các chân đất trung bình - tốt nên trồng xen thêm ngô ở lưng chừng luống, khoảng cách

2,4m × 0,5m × 2 cây (cách một luống xen một luống) đạt hiệu quả kinh tế cao hơn trồng thuần.

7. GIỐNG KHOAI LANG KL5

1. Nguồn gốc

Chọn từ quần thể thụ phấn tự do của giống số 8. Đã được khu vực hóa tháng 1/1998.

Tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, KS. Nguyễn Thế Yên, TS. Mai Thạch Hoành, TS. Phạm Xuân Liêm, KS. Trịnh Khắc Quang và KS. Vũ Đan Thành. Viện cây lương thực và cây thực phẩm.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng thân lá mạnh, khả năng tái sinh nhanh. Thân lá mềm ngọt, thích hợp làm thức ăn gia súc. Năng suất củ 15-20 tấn/ha, năng suất thân lá 15-20 tấn/ha.

Lá xẻ thuỳ sâu. Củ to thuôn dài, vỏ đỏ tươi, ruột củ màu vàng, chất lượng khá. Hàm lượng chất khô trong củ 22,03% (vụ đông) và 24,74% (vụ xuân), tinh bột 14,43% (vụ đông) và 18,73% (vụ xuân).

Chịu rét khá, thời gian sinh trưởng 100-120 ngày.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Thích hợp với cách trồng để cắt tỉa thân lá (khoảng 10 ngày/lần) làm thức ăn gia súc. Củ có thể ăn tươi, thái lát phơi khô dùng cho người hoặc cho gia súc.

Vụ đông trồng 15/9 đến 15/10, vụ xuân từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 2.

Đặt dây nông và phẳng theo dọc luống. Tưới nước phân sau mỗi lần cắt tỉa.

8. GIỐNG KHOAI LANG KL1

1. Nguồn gốc

Chọn từ tổ hợp lai VX 37-6 × Pitis 5. Giống đang được khảo nghiệm quốc gia.

Tác giả: GS. VS. Vũ Tuyên Hoàng, KS. Nguyễn Thế Yên, TS. Mai Thạch Hoành, TS. Phạm Xuân Liêm, KS. Trịnh Khắc Quang và KS. Vũ Đan Thành. Viện Cây lương thực và cây thực phẩm.

2. Những đặc tính chủ yếu

Sinh trưởng khỏe, thân lá to mập và mềm ngọt thích hợp làm thức ăn gia súc. Năng suất củ 10-15 tấn/ha, năng suất thân lá 20-25 tấn/ha.

Lá to hình tim, màu xanh hơi vàng, cuống lá dài. Dạng củ thuôn dài, vỏ và ruột củ màu vàng, ăn ngon và bở. Hàm lượng chất khô trong củ 26,21% (vụ đông) và 32,62% (vụ xuân), tinh bột 14,85% (vụ đông) và 20,16% (vụ xuân).

Chịu rét khá, thời gian sinh trưởng 100-120 ngày.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Như với giống KL5.

XII. CÁC GIỐNG SẮN

1. GIỐNG SẮN KM-60

1. Nguồn gốc

KM-60 có tên gốc là Rayong 60, được nhập từ CIAT/Thái Lan trong bộ giống khảo nghiệm Liên Á năm 1989, do Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Trung tâm cây có củ Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam chọn lọc và giới thiệu. Giống đã được Bộ Nông nghiệp và CNTP cho phép khu vực hóa năm 1993 trên toàn quốc và được công nhận năm 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân xanh, tán gọn, phân nhánh hẹp, có thể trồng xen. Năng suất củ tươi ở miền Nam 27,5 tấn/ha, miền Bắc từ 22,3-35 tấn/ha. Tỷ lệ chất khô 38,0%. Hàm lượng tinh bột 27,2%. Chỉ số thu hoạch 58%. Thời gian thu hoạch: miền Nam 6-9 tháng, miền Bắc 9-10 tháng. Nhiễm nhẹ bệnh cháy lá. Chịu hạn tốt, thích ứng rộng, đạt năng suất cao và ổn định trên những địa bàn, nhất là vùng thâm canh.

Giống được nông dân chấp nhận và nhân nhanh trong sản xuất. Vụ thu đông 1994 đã có trên 600 ha giống KM60 được phát triển trong sản xuất ở các tỉnh phía Nam. Giống sắn KM60 cũng đang được nhân rộng rãi ở phía Bắc.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Có thể trồng trên tất cả các loại đất. Thời vụ trồng: miền Bắc cuối tháng 2 đầu tháng 3, miền Nam từ

tháng 4 đến tháng 6. Mật độ 11.000 hốc/ha, có thể trồng xen.

Phân bón 5-7 tấn phân chuồng, 40kg N, 50kg P_2O_5, 60-80kg K_2O. Bón thúc lần 1 sau trồng 35-45 ngày, bón 1/3 lượng N, 1/3 Kali. Lần 2 sau lần 1: 40-45 ngày bón hết số phân còn lại.

2. GIỐNG SẮN KM94

1. Nguồn gốc

KM94 có tên gốc là MKUC 28-77-3 được nhập từ CIAT/Thái Lan trong bộ giống khảo nghiệm Liên Á năm 1990, do Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc và Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên đề nghị mở rộng, được Hội đồng Khoa học Bộ Nông nghiệp và CNTP công nhận giống 1995.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân xanh, hơi cong, ngọn tím, không phân nhánh.

Năng suất củ tươi ở miền Nam 40,6 tấn/ha (vượt 45% so với giống sắn KM60), ở miền Bắc từ 25-40 tấn/ha, cao nhất 43 tấn/ha. Tỷ lệ chất khô 38,6%. Hàm lượng tinh bột 27,4% (trên đất đỏ) và 22,4% ở vùng đồi miền Bắc. Chỉ số thu hoạch 57%. Thời gian thu hoạch

trồng sắn phía Bắc đều cho năng suất cao, đặc biệt ở vùng thâm canh cao.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Kỹ thuật và thời vụ trồng KM94 tương tự KM60, cần chú ý đầu tư phân bón cao hơn. Tuy KM94 có thể trồng trên nhiều loại đất, nhưng thích hợp hơn ở nơi đất tốt và có đầu tư thâm canh.

3. GIỐNG SẮN KM95

1. Nguồn gốc

Tên gốc OMR 33-17-15, được chọn lọc trong nguồn gen 25.000 dòng lai ở Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thân thẳng, màu xám vàng, phân nhánh đến cấp 3, củ thuôn láng rất đẹp. Năng suất củ tươi 40,0 tấn/ha. Tỷ lệ chất khô 36,3%. Hàm lượng tinh bột 25,5%. Chỉ số thu hoạch 63%. Thời gian thu hoạch 5-7 tháng.

Thích hợp rải vụ, trồng ở những vùng đất hay bị ngập nước theo mùa như An Giang, Long Hồ, Dầu Tiếng... và các vùng tương tự.

Đã trồng khảo nghiệm trên 25 địa điểm của miền Nam, đạt năng suất cao ổn định.

4. GIỐNG SẮN SM 937-26

1. Nguồn gốc

Giống được nhập nội từ CIAT/Thái Lan trong bộ giống khảo nghiệm Liên Á năm 1990.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thâm màu nâu đỏ, thẳng, gọn, không phân nhánh. Năng suất củ tươi 40,5 tấn/ha. Tỷ lệ chất khô 38,2%. Hàm lượng tinh bột 27,1%. Chỉ số thu hoạch 61%. Thời gian thu hoạch 6-10 tháng. Nhiễm nhẹ bệnh cháy lá.

5. GIỐNG SẮN HL23

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Trần Ngọc Quyền, TS. Hoàng Kim, KS. Võ Văn Tuấn.

Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống sắn Hl23 được tuyển chọn trong tập đoàn giống sắn từ năm 1983. Được phép khu vực hóa năm 1990.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống HL23 cây cao 2-2,4m, không phân nhánh, mọc gọn. Thân già màu trắng mốc, thân non màu xanh vàng có 5 khía ửng đỏ. Lá có 7-9 thuỳ thon nhọn, lá non màu xanh nhạt. Củ thuôn, màu vỏ ngoài nâu nhạt, thịt củ trắng, cuống củ 1-3cm.

Thời gian từ trồng đến thu hoạch 7-9 tháng

đất xám và đất cát biển. Hiện đang trồng chủ yếu ở các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé.

Thời vụ trồng tốt nhất đầu mùa mưa, từ tháng 4 đến tháng 6. Có thể trồng giữa mùa mưa tháng 9 đến trung tuần tháng 10.

Mật độ trên đất đỏ 11 nghìn cây/ha, trên đất xám và đất cát 15-16 nghìn cây/ha. Có thể trồng xen với ngô và các loại đậu đỗ.

Phân bón cho 1 ha: 5 tấn phân chuồng + 50 N + 50 P_2O_5 + 80 K_2O. Bón lót toàn bộ phân chuồng và lân. Bón thúc lần 1 (sau mọc 45 ngày); 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali. Bón thúc lần 2 (sau mọc 90 ngày): 1/3 lượng đạm + 2/3 lượng kali.

Nên sử dụng Furadan bón trước lúc trồng để chống mối ở những khu vực đồi núi.

6. GIỐNG SẮN HL24

1. Nguồn gốc

Tác giả: TS. Trần Ngọc Quyền, TS. Hoàng Kim, KS. Võ Văn Tuấn.

Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Hưng Lộc, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Giống sắn HL24 được tuyển chọn trong tập đoàn giống sắn từ năm 1983. Được phép khu vực hóa năm 1990.

2. Những đặc tính chủ yếu

Giống HL24 cây cao 1,8-2,3m, phân nhánh đến cấp 3. Thân già màu xám. Lá thon nhọn có 7 thuỳ. Củ thuôn đều, vỏ ngoài màu nâu xám, vỏ trong màu đỏ sẫm, thịt củ trắng. Cuống củ nhỏ, dài 1-4cm.

Thời gian từ trồng đến thu hoạch 7-9 tháng. Năng suất HL24 cao hơn HL23. Trong thí nghiệm khoảng 20-22 tấn/ha. Hàm lượng tinh bột 26,5%.

Nhiễm nhẹ X.Manihotis.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Tương tự như giống HL23.

7. GIỐNG SẮN KM 95-3

1. Nguồn gốc

Tên gốc SM 1157-3. Do Trung tâm Cây có củ Viện Khoa học Nông nghiệp chọn lọc từ tập đoàn giống nhập bằng hom và từ các tổ hợp lai nhập từ CIAT. Giống được phép khu vực hóa năm 1998.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 8-10 tháng.

Cây cao vừa phải, chống đổ tốt, không phân cành nên có thể trồng dầy, trồng xen.

Lá xanh đậm, cuống lá đỏ, dạng củ đẹp, thích hợp thị hiếu người tiêu dùng, ruột củ trắng, vỏ củ nhẵn, cuống nhỏ.

Là giống sắn ngọt, hàm lượng tinh bột khoảng 22%.

Năng suất tương đương với KM94.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Dễ trồng thích ứng rộng, là giống sắn đa dụng, có thể dùng ăn tươi, chế biến tinh bột và phơi khô.

Có thể trồng ở những vùng có tập quán trồng xen.

8. GIỐNG SẮN KM 98-1

1. Nguồn gốc

Giống sắn KM 98-1 được chọn lọc từ tổ hợp lai Rayong 1 × Rayong 5, do Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Hưng Lộc phối hợp với mạng lưới nghiên cứu và khuyến nông sắn Việt Nam tuyển chọn.

Giống đã được Bộ nông nghiệp và PTNT cho phép khu vực hóa tháng 9/1999.

2. Những đặc tính chủ yếu

Thời gian sinh trưởng 7-10 tháng. Tán cây gọn, chiều cao cây vừa phải (1,2-2,0m), chống đổ tốt, thân xanh, nhặt mắt, phân nhánh ít, thích hợp trồng dày.

Củ đồng đều, dạng củ thuôn láng, thịt củ màu trắng kem, rất được thị trường ưa chuộng.

Nhiễm nhẹ các loại sâu bệnh hại.

Khả năng thích ứng rộng, năng suất củ tươi đạt 32-40 tấn/ha, gần tương đương so với giống sắn cao sản KM 94, cao hơn rõ rệt so với giống sắn KM 60 và HL 23.

Hàm lượng tinh bột khá cao (27,2-28,3%), tỷ lệ chất khô khoảng 38-39%.

3. Hướng sử dụng và yêu cầu kỹ thuật

Giống KM 98-1 thích hợp những vùng đất có hàm lượng dinh dưỡng trung bình đến giàu.

Giống bổ sung tốt cho giống sắn chủ lực KM 94 để giúp nông dân rải vụ thu hoạch, đáp ứng yêu cầu thị trường ở những vùng sâu, vùng xa.

KM 98-1 thuộc nhóm sắn ngọt, có thể chế biến tinh bột, ăn tươi hoặc làm thức ăn gia súc.

PHÂN CÔNG BIÊN SOẠN

Họ tên	Nội dung biên soạn
PGS. TS. Trương Đích	Lời nói đầu; Hiệu đính chung và tham gia giới thiệu các giống sau: Sen lai, V79, MĐ7, M103, DT84, KT3, Lipsi, Rasant, Karsta, Provento, Mondial, KM60.
KS. Lưu Thị Hồng Đoan và CTV	Giới thiệu các giống cây ăn củ ở phía Bắc
ThS. Nguyễn Thiên Lương, KS. Đoàn Kim Long và CTV	Giới thiệu các giống lạc và đậu đỗ ở phía Bắc
ThS. Nguyễn Thanh Minh, KS. Đặng Trọng Lịch và CTV	Giới thiệu các giống rau quả ở phía Bắc.
TS. Đào Mạnh Hùng, TS. Phạm Xuân Liêm và CTV	Giới thiệu các giống khoai tây
KS. Nguyễn Quốc Lý, KS. Nguyễn Đức Tuyến, TS. Hoàng Kim và CTV	Giới thiệu các giống lạc, đậu đỗ, rau quả và khoai sắn ở phía Nam

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

I. Các giống lạc 5

1. Lạc sen lai (75/23) 5
2. Lạc Trạm Xuyên 6
3. Lạc V79 8
4. Lạc 4329 9
5. Lạc 1660 10
6. Lạc LVT 11
7. Lạc L02 12
8. Lạc JL24 13
9. Lạc MĐ7 14
10. Lạc HL25 15

II. Các giống đậu xanh 16

1. Giống đậu xanh 044 16
2. Giống đậu xanh số 9 17
3. Giống đậu xanh VN 93-1 18
4. Giống đậu xanh ĐX 92-1 18
5. Giống đậu xanh T135 19
6. Giống đậu xanh HL 89-E3 20
7. Giống đậu xanh V87-13 21
8. Giống đậu xanh VX-87E2 22
9. Giống đậu xanh G87-1 24
10. Giống đậu xanh HL115 24
11. Giống đậu xanh HL2 25
12. Giống đậu xanh V91-15 26
13. Giống đậu xanh V94-208 27
14. Giống đậu đen ngắn ngày VN 89 28

III. Các giống đậu tương 29
1. Giống đậu tương AK03 29
2. Giống đậu tương AK04 30
3. Giống đậu tương M103 31
4. Giống đậu tương AK05 32
5. Giống đậu tương DT84 32
6. Giống đậu tương DT92 33
7. Giống đậu tương DT93 34
8. Giống đậu tương DT94 35
9. Giống đậu tương TL57 36
10. Giống đậu tương DT95 37
11. Giống đậu tương HL92 38
12. Giống đậu tương HL2 39
IV. Các giống đậu ăn quả (đậu rau) 40
1. Cây đậu bắp ĐB1 40
2. Đậu Cô ve leo 40
3. Giống đậu đũa Hồng Đào cao sản 42
4. Giống đậu đũa Hồng Điểm cao sản 42
V. Các giống bắp cải 43
1. Giống bắp cải CB26 43
2. Giống bắp cải AKCROSS 45
3. Giống bắp cải K60 45
VI. Các giống cải xanh, cải ngọt, ớt 47
1. Cải xanh ngọt CX1 47
2. Cải ngọt số 4 47
3. Cải ngọt Trang Nông 48
4. Giống cải xanh số 6 49
5. Ớt cay số 20 50

VII. Các giống cà chua 51
1. Giống cà chua Hồng Lan 51
2. Giống cà chua CS1 53
3. Giống cà chua MV1 54
4. Giống cà chua quả nhỏ, chịu nhiệt VR2 55
5. Giống cà chua lai số 1 56
6. Giống cà chua lai số 2 57
7. Giống cà chua XH1 58
8. Giống cà chua XH2 59
9. Giống cà chua AN1 60
10. Giống cà chua AN2 61
11. Giống cà chua TAWAN 386 lai F1 62
12. Giống cà chua Nông Trang 52 lai F1 63
13. Giống cà chua lai TN30 64
14. Giống cà chua lai TN24 64
15. Giống cà chua lai TN19 65
16. Giống cà chua RED CROWN 250 65
VIII. Các giống dưa chuột 66
1. Giống dưa chuột lai PC1 66
2. Giống dưa chuột Sao Xanh 1 67
IX. Các giống dưa hấu 68
1. Giống dưa hấu lai An Tiêm 98 68
2. Giống dưa hấu lai An Tiêm 100 69
3. Giống dưa hấu lai Hồng Lương 71
4. Giống dưa hấu lai Xuân Lai 72
X. Các giống khoai tây 74
1. Giống khoai tây Thường Tín 74
2. Giống khoai tây Mariella 75
3. Giống khoai tây Lipsi 76
4. Giống khoai tây VC 38-6 78

5. Giống khoai tây KT-2 79
6. Giống khoai tây Rasant 81
7. Giống khoai tây Karsta 81
8. Giống khoai tây Provento 82
9. Giống khoai tây Mondial 83
10. Giống khoai tây KT3 84
11. Giống khoai tây hạt lai Hồng Hà 2 và Hồng Hà 7 84
XI. Các giống khoai lang 85
1. Giống khoai lang Hoàng Long 85
2. Giống khoai lang V15-70 86
3. Giống khoai lang VX-37 87
4. Giống khoai lang cực nhanh 88
5. Giống khoai lang 143 89
6. Giống khoai lang HL4 90
7. Giống khoai lang KL5 92
8. Giống khoai lang KL1 93
XII. Các giống sắn 94
1. Giống sắn KM60 94
2. Giống sắn KM94 95
3. Giống sắn KM95 96
4. Giống sắn SM937-26 96
5. Giống sắn Hl23 97
6. Giống sắn HL24 98
7. Giống sắn KM95-3 99
8. Giống sắn KM98-1 100